BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Kèm theo quyết định số _____/QĐ-ĐHNL-ĐT - Ký ngày _____tháng_____năm _____

Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính Quy (Tín chi)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: CD10CI17									
1	10344084	TRẦN HIẾU	TRUNG	31/05/91	Nam	2.21	100	Trung bình	1/2015
2	10344026	TRẦN GIANG	LINH	01/01/92	Nam	2.38	102	Trung bình	2/2015
Lớp: CD11CI									
1	11344065	PHẠM QUỐC	SINH	01/11/93	Nam	2.41	100	Trung bình	3/2015
Lớp: CD10CA17									
1	10363142	NGUYỄN THỊ	ĐIỆP	28/12/92	Nữ	2.49	109	Trung bình	4/2015
2	10363203	LÊ THỊ	NÔ	16/05/92	Nữ	2.38	109	Trung bình	5/2015
Lớp: CD11CA									
1	11363008	LÊ THỊ NGỌC	HÂN	29/06/93	Nữ	2.81	108	Khá	6/2015
2	11363041	ĐOÀN THỊ TRÀ	MY	05/09/93	Nữ	2.67	108	Khá	7/2015
3	11363064	LÊ THỊ MỸ	THU	18/04/93	Nữ	2.77	109	Khá	8/2015
4	11363101	BÙI VĂN	DƯƠNG	07/09/93	Nam	2.49	108	Trung bình	9/2015
5	11363109	LÊ THỊ PHƯƠNG	THỦY	12/03/93	Nữ	2.68	108	Khá	10/2015
6	11363036	TRẦN THỊ PHƯƠNG	HOA	23/03/93	Nữ	2.92	109	Khá	11/2015
7	11363085	PHAN THỊ PHƯƠNG	THẢO	09/10/92	Nữ	2.57	108	Khá	12/2015
8	11363103	TRẦN HUYỀN	TRANG	25/08/92	Nữ	2.77	108	Khá	13/2015
9	11363133	NGUYỄN THỊ HUỲNH	MAI	04/11/93	Nữ	3.11	108	Khá	14/2015
10	11363220	NGÔ ĐOÀN HOÀI	THƯƠNG	09/02/93	Nữ	2.61	108	Khá	15/2015
11	11363095	HỒ TRÚC	PHƯƠNG	14/05/92	Nữ	2.66	108	Khá	16/2015
12	11363061	NGUYỄN THỊ CẨM	LOAN	03/03/93	Nữ	2.55	108	Khá	17/2015
13	11363179	ĐẶNG THÙY	NGÂN	29/06/93	Nữ	2.51	108	Khá	18/2015
14	11363192	LÊ THỊ THANH	NHÀN	19/05/92	Nữ	2.75	108	Khá	19/2015
15	11363215	TRẦN THỊ THANH	HẰNG	27/06/93	Nữ	2.38	110	Trung bình	20/2015
16	11363156	TRƯƠNG THỊ NGỌC	MAI	19/06/93	Nữ	2.60	108	Khá	21/2015
Lớp: CD12CA									
1	12363316	ĐẶNG THỊ	HUỆ	16/02/94	Nữ	3.02	108	Khá	22/2015
2	12363149	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	19/02/91	Nữ	2.84	108	Khá	23/2015
3	12363151	NGUYỄN HỒ	BẢO	06/09/94	Nữ	3.13	108	Khá	24/2015
4	12363313	HUỲNH THỊ THÚY	DIỄM	10/05/94	Nữ	2.69	108	Khá	25/2015
5	12363155	HOÀNG THỊ MỸ	DUYÊN	06/08/94	Nữ	3.16	108	Khá	26/2015
6	12363173	LÊ THỊ	THÙY	01/06/94	Nữ	3.11	109	Khá	27/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính Quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
7	12363068	TRẦN THỊ THÚY	MY	19/10/92	Nữ	3.01	108	Khá	28/2015
Lớp: CD09CQ17									
1	09333170	VÕ ANH	TUẤN	31/03/91	Nam	2.45	103	Trung bình	29/2015
2	08166073	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	25/10/89	Nữ	2.74	102	Khá	30/2015
Lớp: CD10CQ17									
1	10333134	NGUYỄN MINH	QUÂN	06/12/92	Nam	2.19	108	Trung bình	31/2015
2	10333059	HUỲNH LY	NA	22/06/92	Nam	2.70	107	Khá	32/2015
3	10333097	NGUYỄN HỒ BÍCH	TRÂM	12/08/92	Nữ	2.51	107	Khá	33/2015
4	10333123	NGUYỄN CHÍ	HIẾU	22/12/92	Nam	2.52	107	Khá	34/2015
Lớp: CD11CQ									
1	11333008	LÊ HẠNH	BÌNH	26/01/93	Nam	2.34	108	Trung bình	35/2015
2	11333090	ĐẶNG NGUYỄN QUỐC	TRUNG	27/10/93	Nam	2.56	107	Khá	36/2015
3	11333126	NGUYỄN THỊ	THÙY	03/04/93	Nữ	2.62	107	Khá	37/2015
4	11333197	BÙI PHÓ	THỊNH	07/08/93	Nam	2.59	107	Khá	38/2015
5	11333202	LƯƠNG THỊ MỸ	TIÊN	08/03/92	Nữ	2.49	107	Trung bình	39/2015
6	11333075	ĐỖ THỊ	HIỀN	15/11/92	Nữ	2.62	107	Khá	40/2015
7	11333083	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	13/04/93	Nữ	2.47	107	Trung bình	41/2015
8	11333071	NGUYỄN THỊ MỸ	LỢI	28/10/93	Nữ	2.31	107	Trung bình	42/2015
9	11333024	PHẠM THỊ TRÚC	DUY	17/05/93	Nữ	2.41	108	Trung bình	43/2015
10	11333153	NGUYỄN THỊ MINH	THẢO	04/09/93	Nữ	2.44	107	Trung bình	44/2015
11	11333161	TRẦN THỊ ÁNH	TUYẾT	28/12/93	Nữ	2.63	108	Khá	45/2015
12	11333184	ĐẶNG QUỐC	VƯƠNG	12/02/93	Nam	2.73	107	Khá	46/2015
Lớp: CD09TH17									
1	09329077	NGUYỄN THÀNH	TÀI	16/03/91	Nam	2.28	108	Trung bình	47/2015
2	09344018	NÔNG VĂN	QUÂN	26/04/91	Nam	2.35	109	Trung bình	48/2015
Lớp: CD10TH17									
1	10329034	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	22/07/91	Nam	2.60	109	Khá	49/2015
Lớp: CD11TH									
1	11329073	DƯƠNG HOÀNG	MINH	19/10/93	Nam	2.83	108	Khá	50/2015
2	11329074	NGUYỄN CÔNG	MINH	01/04/92	Nam	2.50	108	Khá	51/2015
3	11329002	NGUYỄN QUỐC	ANH	28/06/93	Nam	2.82	108	Khá	52/2015
4	11329062	TRẦN TUẤN	ANH	12/11/92	Nam	2.59	108	Khá	53/2015
5	11329003	TRƯƠNG ĐÌNH	BA	16/02/93	Nam	2.60	109	Khá	54/2015
6	11329027	TRƯƠNG TÙNG	DƯƠNG	27/04/93	Nam	2.70	109	Khá	55/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính Quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
7	11329130	VÕ MINH	KHÁNH	12/07/93	Nam	2.74	108	Khá	56/2015
8	11329063	NGÔ THOẠI NHẬT	KIÊN	19/08/93	Nữ	2.58	108	Khá	57/2015
9	11329064	VÕ THỊ ÁI	LIÊN	21/03/93	Nữ	2.48	108	Trung bình	58/2015
10	11329081	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NGÂN	30/09/93	Nữ	2.67	108	Khá	59/2015
11	11329112	NGUYỄN THỊ NGỌC	TUYỀN	31/03/93	Nữ	2.52	108	Khá	60/2015
Lớp: CD10CS17									
1	10336008	HOÀNG HÒA	HƯNG	26/08/92	Nam	2.59	106	Khá	61/2015
2	10336146	TRỊNH BỈNH	KHUÊ	02/12/92	Nam	2.47	106	Trung bình	62/2015
3	10336046	HUỲNH NỮ HỒNG	PHÁT	26/11/92	Nữ	2.78	106	Khá	63/2015
4	10336115	HỨA KIỀU NỮ YẾN	XUÂN	06/04/92	Nữ	2.30	106	Trung bình	64/2015
Lớp: CD11CS									
1	11336013	HUỲNH THANH	TUẤN	12/01/92	Nam	2.46	108	Trung bình	65/2015
2	11336259	NGUYỄN GIOÁCH	TRON	27/08/93	Nữ	2.40	106	Trung bình	66/2015
3	11336021	LÊ THỊ NGỌC	TRÂM	01/01/93	Nữ	2.69	106	Khá	67/2015
4	11336036	PHẠM HỒNG	THÁI	13/09/93	Nam	2.30	106	Trung bình	68/2015
5	11336073	VŨ THỊ NGỌC	BÍCH	15/01/93	Nữ	2.47	106	Trung bình	69/2015
6	11336124	HUỲNH THỊ	LÀNH	02/05/93	Nữ	2.62	106	Khá	70/2015
7	11336167	DƯƠNG CẤU	SÌN	04/06/93	Nam	2.55	106	Khá	71/2015
8	11336176	TĂNG HOA	THIÊN	11/09/93	Nữ	2.73	106	Khá	72/2015
9	11336189	NGUYỄN THỊ NGỌC	TIẾP	10/09/93	Nữ	2.83	106	Khá	73/2015
10	11336190	HUỲNH THỊ	TIN	20/08/93	Nữ	2.77	106	Khá	74/2015
11	11336229	PHẠM THỊ THANH	HẰNG	31/03/92	Nữ	2.46	106	Trung bình	75/2015
12	11336244	HÀ THỊ	PHƯƠNG	26/09/93	Nữ	2.65	106	Khá	76/2015
13	11336285	HỒ THỊ THANH	NHÀN	18/08/93	Nữ	2.62	106	Khá	77/2015

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Kèm theo quyết định số _____/QĐ-ĐHNL-ĐT - Ký ngày _____tháng_____năm _____

Hệ Đào Tạo: ĐH VLVH (Tại chức)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: TC08KE									
1	08223177	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	27/03/83	Nữ	6.25	132	Trung bình khá	1/2015
2	08223186	ĐẶNG THỊ	MỪNG	05/05/84	Nữ	6.25	132	Trung bình khá	2/2015
3	08223191	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	15/08/78	Nữ	6.25	134	Trung bình khá	3/2015
4	08223192	NGUYỄN HỮU	PHÚC	27/04/86	Nam	6.32	132	Trung bình khá	4/2015
Lớp: TC08KELG									
1	08223254	TRẦN THỊ TUYẾT	ANH	08/12/83	Nữ	7.04	133	Khá	5/2015
2	08223282	LÊ THỊ	LIÊN	19/04/84	Nữ	6.37	133	Trung bình khá	6/2015
3	08223302	TRẦN THỊ THU	THƯƠNG	20/07/79	Nữ	6.35	133	Trung bình khá	7/2015
Lớp: TC08QTTD									
1	08222115	TRƯƠNG THỊ	MỸ	20/12/82	Nữ	6.82	129	Trung bình khá	8/2015
Lớp: TC09KETD									
1	09223069	NGÔ THỊ	THANH	15/12/86	Nữ	6.24	129	Trung bình khá	9/2015
2	09223071	NGUYỄN THỊ LỆ	THANH	21/12/90	Nữ	6.80	129	Trung bình khá	10/2015
3	09223103	VÕ THỊ MINH	XUYẾN	24/02/87	Nữ	6.22	129	Trung bình khá	11/2015
4	09223106	NGUYỄN NGỌC	YẾN	20/07/79	Nữ	6.60	129	Trung bình khá	12/2015
Lớp: TC09QTTD									
1	09222024	DƯƠNG HỒ	HẢI	31/05/80	Nam	7.26	132	Khá	13/2015
2	09222027	PHAN VĂN	HÓA	08/08/89	Nam	6.22	132	Trung bình khá	14/2015
3	09222035	ĐẶNG PHƯỚC	HÒA	28/09/76	Nam	6.49	132	Trung bình khá	15/2015
4	09222049	TRẦN THỊ THÙY	LIÊN	13/01/84	Nữ	6.75	132	Trung bình khá	16/2015
5	09222085	VÕ	QUÝ	12/02/89	Nam	7.02	132	Khá	17/2015
6	09222097	TRẦN TRUNG	TÁ	02/01/77	Nam	7.06	132	Khá	18/2015
7	09222100	CHÂU TẤN	TÀI	28/08/81	Nam	7.13	132	Khá	19/2015
8	09222132	LƯU KIM	TRINH	20/08/88	Nữ	6.98	132	Trung bình khá	20/2015
9	09222139	ĐOÀN THỊ	TRUYỀN	10/10/85	Nữ	7.12	132	Khá	21/2015
Lớp: TC07NH									
1	07213013	MAI THÀNH	ĐẠI	21/02/87	Nam	6.14	198	Trung bình khá	22/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: ĐH VLVH (Tại chức)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: TC08NH									
1	08213001	LÊ THẾ	BẢO	16/06/85	Nam	6.14	134	Trung bình khá	23/2015
Lớp: TC10NH									
1	10213004	TRẦN TUẤN	ANH	09/01/92	Nam	6.26	125	Trung bình khá	24/2015
2	10213005	VŨ HOÀNG	CHƯƠNG	02/01/84	Nam	6.26	125	Trung bình khá	25/2015
3	10213006	ĐỖ	DINH	02/01/84	Nam	6.86	125	Trung bình khá	26/2015
4	10213007	LÊ MINH	DƯƠNG	09/02/92	Nam	5.95	125	Trung bình	27/2015
5	10213009	TRỊNH VĂN	ĐƯƠNG	06/11/89	Nam	6.20	125	Trung bình khá	28/2015
6	10213012	PHẠM TRUNG	HIẾU	12/05/88	Nam	6.79	125	Trung bình khá	29/2015
7	10213015	VÕ KHẮC	HOÀNG	11/08/76	Nam	6.37	125	Trung bình khá	30/2015
8	10213016	THÁI THỊ BÉ	HOANH	22/03/89	Nữ	6.56	125	Trung bình khá	31/2015
9	10213017	NGUYỄN QUỐC	HÙNG	10/02/82	Nam	6.22	125	Trung bình khá	32/2015
10	10213018	NGUYỄN XUÂN	HÙNG	22/03/89	Nam	6.30	125	Trung bình khá	33/2015
11	10213019	VŨ HIẾU	HÙNG	18/04/90	Nam	6.69	125	Trung bình khá	34/2015
12	10213021	NGUYỄN THỊ BÍCH	LỆ	02/04/92	Nữ	6.63	125	Trung bình khá	35/2015
13	10213025	NGUYỄN ĐÌNH	LUÂN	01/09/85	Nam	6.13	125	Trung bình khá	36/2015
14	10213026	QUÁCH QUANG	MINH	07/03/90	Nam	6.27	125	Trung bình khá	37/2015
15	10213027	TẠ QUỐC TRƯỜNG	NAM	22/04/92	Nam	6.14	125	Trung bình khá	38/2015
16	10213031	NGÔ THÀNH	NHÂN	/ /91	Nam	6.30	125	Trung bình khá	39/2015
17	10213032	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	06/06/91	Nữ	6.58	125	Trung bình khá	40/2015
18	10213034	NGUYỄN HUY	PHỤC	10/10/87	Nam	6.34	125	Trung bình khá	41/2015
19	10213040	NGUYỄN VĂN	THƠ	23/02/84	Nam	6.02	125	Trung bình khá	42/2015
20	10213042	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	/ /90	Nữ	6.68	125	Trung bình khá	43/2015
21	10213043	NGUYỄN VĂN	TÚ	07/09/83	Nam	6.50	125	Trung bình khá	44/2015
22	10213045	NGUYỄN ĐÌNH	TUẤN	10/09/73	Nam	6.82	125	Trung bình khá	45/2015
23	10213048	NGUYỄN VĂN	TUYỀN	27/08/82	Nam	6.39	125	Trung bình khá	46/2015
24	10213050	PHẠM PHÚ	VƯƠNG	17/10/90	Nam	6.66	125	Trung bình khá	47/2015
25	10213053	TRẦN THẾ	HIỂN	03/02/90	Nam	6.29	125	Trung bình khá	48/2015
26	10213054	NGUYỄN VĂN	PHƯỚC	16/11/81	Nam	6.66	125	Trung bình khá	49/2015
27	10213055	VŨ THỊ UYÊN	PHƯƠNG	21/01/88	Nữ	6.88	125	Trung bình khá	50/2015
28	10213057	HUỲNH THỊ	THẮM	14/01/89	Nữ	7.08	125	Khá	51/2015
29	10213058	PHAN HUỲNH	TRÚC	06/05/87	Nam	6.39	125	Trung bình khá	52/2015
30	10213061	VŨ ĐÌNH	HÙNG	25/06/92	Nam	6.63	125	Trung bình khá	53/2015
31	10213066	LÊ THỊ	LÀI	25/07/87	Nữ	6.63	125	Trung bình khá	54/2015
32	10213067	LÂM THANH	THẢO	18/05/81	Nữ	6.62	125	Trung bình khá	55/2015
33	10213069	HUỲNH THỊ HUỆ	THÀNH	28/02/91	Nữ	6.10	125	Trung bình khá	56/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: ĐH VLVH (Tại chức)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
34	10213070	NGUYỄN THỊ	TÌNH	15/10/83	Nữ	6.14	125	Trung bình khá	57/2015
Lớp: TC06AVDA									
1	06228098	HOÀNG THỊ	XUYẾN	25/10/79	Nữ	6.01	181	Trung bình khá	58/2015
Lớp: TC08AV									
1	08228015	PHẠM HOÀNG	ĐĂNG	27/04/84	Nam	6.66	121	Trung bình khá	59/2015
Lớp: TC07QL									
1	07224263	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	06/02/85	Nữ	5.87	207	Trung bình	60/2015
Lớp: TC08QL									
1	08224017	TRẦN QUỐC	ĐÔ	23/09/81	Nam	5.59	133	Trung bình	61/2015
2	08224022	NGUYỄN VĂN	HẬU	20/10/79	Nam	5.90	131	Trung bình	62/2015
3	08224038	NGUYỄN QUANG	NHÂN	18/08/81	Nam	5.86	131	Trung bình	63/2015
Lớp: TC08QLKH									
1	08224185	ĐINH XUÂN	TRƯỜNG	06/09/76	Nam	6.33	133	Trung bình khá	64/2015
Lớp: TC10DCCM									
1	10251032	TRÀ VĂN	ĐỜI	21/07/82	Nam	6.45	132	Trung bình khá	65/2015
2	10251076	NGÔ HIẾU	NGHĨA	02/10/92	Nam	6.37	132	Trung bình khá	66/2015
Lớp: TC10QLBD									
1	10224005	ĐỖ VĂN	BÌNH	22/03/85	Nam	6.50	131	Trung bình khá	67/2015
2	10224024	TẠ THỊ	HẰNG	10/11/83	Nữ	6.58	131	Trung bình khá	68/2015
3	10224030	PHẠM VĂN	HƯỜNG	13/07/86	Nam	6.66	131	Trung bình khá	69/2015
4	10224037	PHAN THỊ THÚY	LIÊN	22/08/85	Nữ	6.49	131	Trung bình khá	70/2015
5	10224050	THƯỢNG TẤN	PHONG	13/07/85	Nam	6.45	131	Trung bình khá	71/2015
6	10224078	PHẠM MINH	TRÍ	10/04/84	Nam	6.36	131	Trung bình khá	72/2015
7	10224080	BÙI MINH	TRUNG	10/01/92	Nam	6.40	131	Trung bình khá	73/2015
8	10224088	NGUYỄN HỮU	VINH	06/02/89	Nam	6.10	131	Trung bình khá	74/2015
9	10224095	LƯƠNG MẠNH	HÙNG	22/04/91	Nam	6.47	131	Trung bình khá	75/2015

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Kèm theo quyết định số _____/QĐ-ĐHNL-ĐT - Ký ngày _____tháng_____năm _____

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH09NL17									
1	09137010	NGUYỄN ĐÌNH	NGHIỆP	25/12/90	Nam	2.59	139	Khá	3/2015
Lớp: DH09OT17									
1	09154045	NGUYỄN MINH	TOÀN	31/10/91	Nam	2.92	141	Khá	4/2015
2	09154052	LƯƠNG TRỌNG	TƯỞNG	04/09/90	Nam	2.34	140	Trung bình	5/2015
Lớp: DH10CD									
1	10153001	NGUYỄN QUỐC	ANH	19/02/92	Nam	2.69	141	Khá	6/2015
2	10153010	NGUYỄN MẠNH	HẬU	05/09/92	Nam	2.67	140	Khá	7/2015
Lớp: DH10CK									
1	10118001	NGUYỄN MINH	HẢI	06/08/92	Nam	3.14	139	Khá	8/2015
Lớp: DH10NL									
1	10137016	NGUYỄN TẤN	TRƯNG	27/09/92	Nam	2.60	140	Khá	9/2015
Lớp: DH10OT									
1	10154004	LÊ QUỐC	DŨNG	12/04/92	Nam	2.34	140	Trung bình	10/2015
2	10154012	PHẠM TRUNG	HIẾU	01/01/92	Nam	2.49	140	Trung bình	11/2015
3	10154013	PHẠM VĂN	HIỆP	17/03/90	Nam	2.49	140	Trung bình	12/2015
4	10154018	VƯƠNG NHẬT	KHÔI	30/05/92	Nam	2.64	141	Khá	13/2015
5	10154042	LÂM QUANG	THIỆN	05/04/92	Nam	2.57	141	Khá	14/2015
6	10154063	PHẠM CHÁNH	HƯNG	14/10/92	Nam	2.93	140	Khá	15/2015
7	10154065	LÝ MINH	HẢO	09/07/91	Nam	2.53	140	Khá	16/2015
Lớp: DH10TD									
1	10138060	PHẠM QUỐC	TRUNG	04/05/91	Nam	2.51	140	Khá	17/2015
Lớp: DH08CN17									
1	08111023	NGUYỄN SƠN	NAM	09/12/90	Nam	2.46	135	Trung bình	18/2015
Lớp: DH08TY17									
1	07112021	NGUYỄN ĐỨC	CƯỜNG	21/05/88	Nam	2.86	168	Khá	19/2015
2	07112170	NGUYỄN HỮU MINH	NHẬT	18/08/89	Nam	2.35	168	Trung bình	20/2015
3	08112112	VÕ THỊ	HƯỜNG	27/11/90	Nữ	3.11	167	Khá	21/2015
4	08112219	TRẦN DUY	PHƯỚC	09/06/90	Nam	2.42	169	Trung bình	22/2015
5	08112243	NGUYỄN THỊ LAN	THANH	01/01/90	Nữ	3.22	167	Giỏi	23/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
6	08112272	BÙI XUÂN	THƯƠNG	06/10/90	Nam	2.45	168	Trung bình	24/2015
7	08112319	TRẦN ANH	TUẤN	26/10/90	Nam	2.61	168	Khá	25/2015
8	08112325	TRẦN NGỌC	TÙNG	16/11/89	Nam	2.50	168	Khá	26/2015
Lớp: DH09DY17									
1	09142106	HOÀNG THỊ THU	THỦY	01/10/91	Nữ	2.33	168	Trung bình	27/2015
Lớp: DH09TY17									
1	09112085	TRẦN THỊ TRÚC	LINH	25/02/91	Nữ	2.55	168	Khá	28/2015
2	09112163	HUỲNH VĂN	THUẬN	17/10/91	Nam	2.43	167	Trung bình	29/2015
Lớp: DH10CN									
1	10111007	TRẦN ĐÌNH	CƯƠNG	22/09/91	Nam	2.37	136	Trung bình	30/2015
2	10111050	NGÔ TRUNG	HIẾU	07/12/91	Nam	2.43	136	Trung bình	31/2015
3	10111062	HỒ THỊ HỒNG	THỊNH	09/05/92	Nữ	2.43	136	Trung bình	32/2015
4	10112258	HOÀNG NGHIÊM BÁ	ĐẠT	24/06/92	Nam	2.51	135	Khá	33/2015
Lớp: DH10DY									
1	10142037	NGUYỄN THỊ	HẠNH	04/03/91	Nữ	2.67	168	Khá	34/2015
2	10142076	TRẦN THỊ KIM	LIÊN	16/02/92	Nữ	3.15	168	Khá	35/2015
3	10142083	LÊ THỊ BÍCH	LY	02/08/92	Nữ	3.03	167	Khá	36/2015
4	10142085	HỒ NGỌC DIỄM	MI	28/08/92	Nữ	3.15	168	Khá	37/2015
5	10142088	CHỀNH GIA	MINH	19/10/92	Nam	2.33	168	Trung bình	38/2015
6	10142101	TRƯƠNG THỊ BÍCH	NGUYỆN	23/10/91	Nữ	2.97	167	Khá	39/2015
7	10142102	NGUYỄN THỊ	NHÃ	02/02/92	Nữ	2.80	167	Khá	40/2015
8	10142151	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	12/11/92	Nữ	2.83	167	Khá	41/2015
9	10142159	MAI HOÀNG PHƯỚC	THỊNH	10/09/92	Nam	2.39	167	Trung bình	42/2015
10	10142184	ĐÀO THU	TRINH	15/12/92	Nữ	2.67	168	Khá	43/2015
Lớp: DH10TY									
1	10112061	VŨ THỊ	HUỆ	29/12/92	Nữ	3.28	167	Giỏi	44/2015
2	10112132	ĐẶNG MAI	PHÚC	19/08/92	Nam	3.16	167	Khá	45/2015
3	10112144	NGUYỄN THANH	QUANG	29/10/92	Nam	2.65	168	Khá	46/2015
4	10112169	PHẠM NGỌC XUÂN	THẢO	30/12/91	Nữ	2.36	168	Trung bình	47/2015
5	10112174	HÀ TRƯƠNG DIỄM	THI	02/03/92	Nữ	3.05	167	Khá	48/2015
6	10112179	LÂM ĐINH TRƯỜNG	THỊNH	29/05/92	Nam	2.37	168	Trung bình	49/2015
7	10112253	MÃ THỊ	TÂM	01/04/91	Nữ	2.61	168	Khá	50/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH11CN									
1	11111061	PHAN THỊ	DUYÊN	13/07/93	Nữ	2.92	136	Khá	51/2015
2	11111075	LÊ XUÂN	HIỀN	08/01/93	Nữ	2.87	137	Khá	52/2015
Lớp: DH11TA									
1	10161037	TỐNG THỊ KIỀU	HOA	10/10/92	Nữ	2.81	137	Khá	53/2015
Lớp: DH08HH17									
1	07139123	LÊ THẮNG	LUYỆN	13/10/89	Nam	2.44	140	Trung bình	54/2015
Lớp: DH09HH17									
1	09139112	LIÊN THANH	NHÃ	03/11/91	Nữ	2.69	140	Khá	55/2015
2	09139179	ĐỒNG THỊ	THƯƠNG	02/10/91	Nữ	2.54	141	Khá	56/2015
Lớp: DH10HH									
1	10139007	CAO THANH ĐẠI	BẢO	26/10/92	Nam	2.46	141	Trung bình	57/2015
2	10139117	PHẠM NGUYÊN ĐĂNG	LONG	01/02/92	Nam	2.82	140	Khá	58/2015
3	10139164	TRẦN VĂN	NIỆM	12/05/92	Nam	3.02	141	Khá	59/2015
4	10139181	HỒ BẮC	QUANG	21/08/92	Nam	2.33	141	Trung bình	60/2015
5	10139240	PHẠM THÀNH	TÍN	21/05/92	Nam	2.43	141	Trung bình	61/2015
Lớp: DH11HH									
1	11139002	BÙI THỊ PHƯƠNG	DUNG	26/04/93	Nữ	3.43	141	Giỏi	62/2015
2	11139003	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DUNG	22/07/93	Nữ	2.92	141	Khá	63/2015
3	11139006	HOÀNG VĂN	HỮU	18/12/92	Nam	2.98	140	Khá	64/2015
4	11139008	LÊ THÀNH	LONG	28/09/93	Nam	3.33	141	Giỏi	65/2015
5	11139010	NGUYỄN HOÀI	NAM	14/10/93	Nam	2.95	140	Khá	66/2015
6	11139012	HUỲNH TỐ	NHƯ	28/06/93	Nữ	3.15	141	Khá	67/2015
7	11139027	LÊ THỊ	MỘNG	15/03/93	Nữ	3.09	141	Khá	68/2015
8	11139066	ĐỖ THỊ	HUYỀN	28/05/93	Nữ	3.13	142	Khá	69/2015
9	11139075	NGUYỄN DƯƠNG KHÁNH	KIM	01/05/93	Nam	3.24	143	Giỏi	70/2015
10	11139091	VÕ PHÙNG THỊ THU	NGOAN	24/10/93	Nữ	3.00	141	Khá	71/2015
11	11139095	TRẦN THỊ TỐ	NHƯ	25/07/93	Nữ	2.98	142	Khá	72/2015
12	11139123	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	21/06/93	Nam	3.21	141	Giỏi	73/2015
13	11139135	NGUYỄN NGỌC	TUẤN	21/02/93	Nam	2.81	141	Khá	74/2015
14	11139144	NGUYỄN PHƯƠNG	TRINH	21/10/93	Nữ	2.93	140	Khá	75/2015
15	11139146	ĐINH TUẤN	CƯỜNG	30/10/93	Nam	2.78	142	Khá	76/2015
16	11139169	BÙI CHÍ	TÂM	11/09/93	Nam	2.89	141	Khá	77/2015
17	11139182	CAO MINH	TUẤN	21/04/93	Nam	3.10	142	Khá	78/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: ĐH Chính Quy

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH08KEGL									
1	08124150	TRẦN NHẬT	HUY	11/04/90	Nam	6.40	207	Trung bình khá	1/2015
Lớp: DH08TM17									
1	08150066	TRẦN ÂN SƠN	LÂM	01/01/90	Nam	2.91	135	Khá	79/2015
Lớp: DH09KE17									
1	09123063	TRẦN THỊ PHƯƠNG	LAN	10/11/91	Nữ	3.12	136	Khá	80/2015
Lớp: DH10KE									
1	10123003	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	16/06/92	Nữ	2.77	136	Khá	81/2015
2	10123111	VÕ THỊ HỒNG	NGA	12/12/92	Nữ	2.68	137	Khá	82/2015
3	10123189	PHẠM THỦY	TIÊN	28/10/92	Nữ	2.85	137	Khá	83/2015
4	10123210	PHẠM HỒNG	TUÂN	06/08/92	Nam	3.04	136	Khá	84/2015
5	10123257	ĐỖ NGỌC KIM	ANH	20/02/92	Nữ	2.77	138	Khá	85/2015
Lớp: DH10KEGL									
1	10112297	PHAN THỊ HỒNG	NGỌC	11/03/92	Nữ	2.99	136	Khá	86/2015
2	10123246	HUỲNH TẤN	NGỌC	17/01/84	Nam	2.61	136	Khá	87/2015
3	10123252	PHẠM ĐÌNH	TOÀN	17/03/92	Nam	2.86	136	Khá	88/2015
4	10123283	TRẦN ÁNH	TUYẾT	19/08/92	Nữ	2.42	136	Trung bình	89/2015
Lớp: DH10KM									
1	10143011	NGUYỄN NGỌC MINH	DUY	04/10/92	Nam	2.51	131	Khá	90/2015
2	10143025	CAO THỊ THANH	HẰNG	12/03/92	Nữ	3.22	132	Giỏi	91/2015
Lớp: DH10KT									
1	10120005	VŨ KIM	CHI	13/04/92	Nữ	2.77	138	Khá	92/2015
Lớp: DH10QT									
1	10122034	TÔ KIM	DUYÊN	29/03/92	Nữ	3.24	138	Giỏi	93/2015
2	10122071	NGUYỄN THỊNH	HƯNG	16/04/92	Nam	2.57	137	Khá	94/2015
3	10122152	LÊ THỊ	THÊM	10/09/92	Nữ	3.19	136	Khá	95/2015
Lớp: DH10TC									
1	10164044	NGUYỄN THỊ NGỌC	UYỂN	15/04/92	Nữ	3.20	137	Giỏi	96/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH10TM									
1	10150076	HUỲNH THANH	THẢO	27/02/92	Nữ	3.11	135	Khá	97/2015
Lớp: DH11KE									
1	11123002	TRẦN QUỐC	ANH	08/06/93	Nam	3.39	137	Giỏi	98/2015
2	11123004	TRƯƠNG KHẮC	DUY	11/08/92	Nam	3.27	137	Giỏi	99/2015
3	11123005	PHẠM NGUYỄN MỸ	DUYÊN	09/01/93	Nữ	3.49	137	Giỏi	100/2015
4	11123006	NGUYỄN BÌNH	DƯƠNG	18/07/93	Nam	3.04	137	Khá	101/2015
5	11123007	NGUYỄN THỊ NGỌC	ĐẸP	19/10/93	Nữ	3.37	136	Giỏi	102/2015
6	11123008	LÊ THỊ ĐÔNG	HÀN	02/11/93	Nữ	3.26	137	Giỏi	103/2015
7	11123009	THÁI THỊ	HẢI	06/07/93	Nữ	3.47	137	Giỏi	104/2015
8	11123011	NGÂN THỊ KIM	HỒNG	02/04/93	Nữ	2.68	137	Khá	105/2015
9	11123012	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	HỒNG	10/03/93	Nữ	3.34	137	Giỏi	106/2015
10	11123018	PHAN THỊ HOA	LÀI	10/11/93	Nữ	3.18	137	Khá	107/2015
11	11123019	BÙI THỊ MỸ	LINH	19/08/93	Nữ	3.22	137	Giỏi	108/2015
12	11123021	TÔ KHÁNH	LINH	16/08/93	Nữ	3.13	137	Khá	109/2015
13	11123023	TRỊNH THỊ	LÝ	01/07/93	Nữ	3.16	137	Khá	110/2015
14	11123026	TRẦN THỊ HOA	MAI	20/04/93	Nữ	3.41	137	Giỏi	111/2015
15	11123028	ĐỒNG THỊ	NGA	05/01/93	Nữ	3.64	137	Xuất sắc	112/2015
16	11123031	TRẦN HUỲNH YẾN	NHI	18/03/93	Nữ	2.89	138	Khá	113/2015
17	11123033	NGUYỄN KIỀU	OANH	19/03/93	Nữ	3.14	137	Khá	114/2015
18	11123034	DƯ THỊ MỸ	PHÚC	24/02/93	Nữ	3.08	137	Khá	115/2015
19	11123038	ĐỖ THỊ THÚY	PHƯỢNG	23/05/93	Nữ	3.38	137	Giỏi	116/2015
20	11123041	VÕ THỊ TÚ	QUYÊN	19/03/93	Nữ	3.39	137	Giỏi	117/2015
21	11123051	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂN	25/10/93	Nữ	3.42	137	Giỏi	118/2015
22	11123053	LƯU THỊ YẾN	TUYẾT	15/09/93	Nữ	2.73	137	Khá	119/2015
23	11123056	PHẠM THỊ CẨM	VÂN	01/03/93	Nữ	2.58	137	Khá	120/2015
24	11123057	TRẦN THANH	VÂN	14/12/93	Nữ	3.32	136	Giỏi	121/2015
25	11123058	ĐOÀN THỊ NGỌC	VI	24/09/93	Nữ	3.17	137	Khá	122/2015
26	11123062	VÕ THỊ TRƯỜNG	XUÂN	31/10/93	Nữ	3.46	137	Giỏi	123/2015
27	11123073	NGUYỄN THỊ THÚY	DIỄM	30/04/93	Nữ	3.02	137	Khá	124/2015
28	11123075	NGUYỄN BÍCH	NGÂN	07/03/93	Nữ	3.27	137	Giỏi	125/2015
29	11123088	UNG THỤY NGỌC	ANH	17/02/93	Nữ	3.28	136	Giỏi	126/2015
30	11123091	NGUYỄN THỊ KIM	CHUNG	09/11/93	Nữ	3.26	137	Giỏi	127/2015
31	11123093	LÂM CHÂU THANH	DUY	04/03/93	Nữ	3.05	137	Khá	128/2015
32	11123096	NGÔ THỊ	HẢI	10/06/93	Nữ	3.11	137	Khá	129/2015
33	11123097	ĐOÀN THỊ MỸ	HẢO	08/06/93	Nữ	2.95	137	Khá	130/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
34	11123098	PHẠM THỊ NHƯ	HẢO	18/12/93	Nữ	3.12	137	Khá	131/2015
35	11123100	TẠ NGỌC	HẠNH	28/12/93	Nữ	2.93	137	Khá	132/2015
36	11123101	BÙI THỊ	HẰNG	25/09/93	Nữ	2.96	137	Khá	133/2015
37	11123102	PHẠM THỊ	HẰNG	08/04/93	Nữ	3.30	137	Giỏi	134/2015
38	11123103	TRẦN DIỆU	HẰNG	22/10/93	Nữ	3.07	137	Khá	135/2015
39	11123106	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	HIỀN	27/08/93	Nữ	3.10	137	Khá	136/2015
40	11123107	NGUYỄN THỊ KIM	HIỀN	07/05/92	Nữ	3.21	137	Giỏi	137/2015
41	11123109	PHAN NHƯ	HOÀI	21/09/93	Nữ	3.15	137	Khá	138/2015
42	11123110	HÀ THỊ MINH	HOẠT	02/06/93	Nữ	2.99	137	Khá	139/2015
43	11123115	LÊ THỊ HỒNG	KHÁNH	26/03/93	Nữ	2.97	137	Khá	140/2015
44	11123117	NGUYỄN THANH	LAN	15/04/93	Nữ	3.39	137	Giỏi	141/2015
45	11123123	TRẦN THỊ MỸ	LOAN	16/09/93	Nữ	3.13	137	Khá	142/2015
46	11123124	NGUYỄN THỊ	LƯƠNG	07/08/92	Nữ	2.84	137	Khá	143/2015
47	11123127	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	16/05/93	Nữ	3.58	137	Giỏi	144/2015
48	11123140	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	20/07/93	Nữ	3.38	137	Giỏi	145/2015
49	11123142	NGUYỄN THỊ MAI	QUYÊN	11/12/93	Nữ	3.08	137	Khá	146/2015
50	11123144	NGUYỄN THỊ	TÂM	15/04/93	Nữ	3.02	137	Khá	147/2015
51	11123145	ĐỖ PHƯƠNG	THẢO	11/12/92	Nữ	3.55	137	Giỏi	148/2015
52	11123146	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	29/06/93	Nữ	3.11	137	Khá	149/2015
53	11123148	MAI THỊ TÚ	THI	28/12/93	Nữ	3.56	137	Giỏi	150/2015
54	11123150	HỒ THỊ	THƠ	12/01/93	Nữ	3.00	137	Khá	151/2015
55	11123152	NGUYỄN NGỌC DIỄM	THU	03/01/93	Nữ	2.76	137	Khá	152/2015
56	11123153	PHẠM THỊ MINH	THU	16/11/93	Nữ	3.38	137	Giỏi	153/2015
57	11123155	NGUYỄN THỊ KIM	THỦY	13/10/93	Nữ	2.92	136	Khá	154/2015
58	11123156	PHAN HUỲNH NG MINH	THÚY	16/10/92	Nữ	2.85	137	Khá	155/2015
59	11123157	PHẠM ĐOAN	THỤY	27/05/93	Nữ	3.29	136	Giỏi	156/2015
60	11123158	BÙI MINH	TIẾN	17/07/93	Nữ	2.71	137	Khá	157/2015
61	11123159	NGUYỄN THỊ MAI	TRANG	19/03/93	Nữ	3.33	136	Giỏi	158/2015
62	11123169	NGUYỄN HẠNH	DUNG	26/07/93	Nữ	3.23	137	Giỏi	159/2015
63	11123170	NGUYỄN THỊ DIỆU	THU	23/01/93	Nữ	3.20	137	Giỏi	160/2015
64	11123174	PHẠM THỊ TUYẾT	MAI	13/10/93	Nữ	3.02	137	Khá	161/2015
65	11123175	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	26/06/93	Nữ	3.38	137	Giỏi	162/2015
66	11123177	VÕ THỊ DIỄM	PHÚC	16/10/93	Nữ	3.08	137	Khá	163/2015
67	11123179	LÝ TỐ	SEN	08/05/93	Nữ	3.25	136	Giỏi	164/2015
68	11123180	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	28/05/93	Nữ	3.27	136	Giỏi	165/2015
69	11123182	NGUYỄN THỊ CẨM	THU	24/10/93	Nữ	2.99	137	Khá	166/2015
70	11123183	QUÁCH MINH	THỦY	27/05/93	Nữ	3.09	137	Khá	167/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
71	11123184	TRẦN THỊ THU	THƯỜNG	21/06/93	Nữ	3.34	137	Giỏi	168/2015
72	11123187	NGUYỄN THÚY	XUYÊN	30/01/93	Nữ	2.84	138	Khá	169/2015
73	11123212	ĐOÀN THỊ MỸ	DUYÊN	25/05/92	Nữ	3.18	137	Khá	170/2015
Lớp: DH11KM									
1	11143002	LÊ TUẤN	ANH	09/01/93	Nam	3.41	130	Giỏi	171/2015
2	11143004	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	08/05/93	Nữ	3.41	131	Giỏi	172/2015
3	11143006	NÔNG THỊ	HIỀN	17/09/93	Nữ	2.68	132	Khá	173/2015
4	11143007	LÊ THỊ	HOA	25/03/93	Nữ	3.26	130	Giỏi	174/2015
5	11143010	TRẦN THỊ THU	HƯƠNG	11/12/93	Nữ	3.52	130	Giỏi	175/2015
6	11143011	NÔNG THỊ	HƯỜNG	07/06/92	Nữ	3.00	132	Khá	176/2015
7	11143013	LƯƠNG THỊ KIM	LOAN	05/07/93	Nữ	2.63	132	Khá	177/2015
8	11143015	VŨ HÀ	MY	03/07/93	Nữ	3.46	131	Giỏi	178/2015
9	11143016	NGUYỄN THỊ THANH	NHÃ	01/08/93	Nữ	2.92	130	Khá	179/2015
10	11143018	NGUYỄN THỊ THÚY	OANH	17/08/93	Nữ	3.41	131	Giỏi	180/2015
11	11143020	NGUYỄN THỊ TRÚC	QUYÊN	06/07/93	Nữ	3.06	131	Khá	181/2015
12	11143022	TRẦN LÊ PHƯƠNG	THẢO	17/01/93	Nữ	2.90	130	Khá	182/2015
13	11143024	PHẠM THỊ HỒNG	THÚY	24/12/93	Nữ	3.18	132	Khá	183/2015
14	11143025	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	24/03/93	Nữ	3.12	130	Khá	184/2015
15	11143026	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂM	07/10/93	Nữ	3.46	130	Giỏi	185/2015
16	11143029	LÊ XUÂN	ANH	06/09/93	Nữ	3.35	130	Giỏi	186/2015
17	11143031	TRẦN NGỌC	HIỆP	26/12/92	Nam	2.89	131	Khá	187/2015
18	11143032	HỒ NGỌC BẢO	LY	14/11/93	Nữ	3.28	130	Giỏi	188/2015
19	11143033	NGUYỄN THỊ	NA	19/05/93	Nữ	2.75	131	Khá	189/2015
20	11143036	TRẦN QUỐC	BẢO	02/03/93	Nam	2.74	130	Khá	190/2015
21	11143037	NGUYỄN PHƯƠNG	BÌNH	30/12/93	Nam	3.23	132	Giỏi	191/2015
22	11143042	TRẦN THỊ KIM	DUNG	10/07/93	Nữ	3.01	130	Khá	192/2015
23	11143045	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG	26/03/93	Nữ	3.37	132	Giỏi	193/2015
24	11143046	LÊ THỊ HỒNG	GẤM	13/09/92	Nữ	3.21	130	Giỏi	194/2015
25	11143047	ĐỒNG THỊ VŨ	HÀ	11/01/93	Nữ	2.65	130	Khá	195/2015
26	11143048	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	26/12/93	Nữ	3.71	130	Xuất sắc	196/2015
27	11143051	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	20/11/93	Nữ	2.90	130	Khá	197/2015
28	11143052	BÙI NGỌC	HIỀN	15/01/93	Nữ	3.02	131	Khá	198/2015
29	11143055	TRẦN THỊ	HIỀN	19/12/93	Nữ	3.30	131	Giỏi	199/2015
30	11143056	NGUYỄN THỊ	HÒA	20/10/93	Nữ	3.42	132	Giỏi	200/2015
31	11143057	HOÀNG THỊ	HỒNG	10/02/93	Nữ	3.02	131	Khá	201/2015
32	11143059	TRẦN THỊ KIM	HUỆ	22/10/93	Nữ	3.35	131	Giỏi	202/2015
33	11143061	ĐỖ THỊ	HUYỀN	01/02/93	Nữ	3.08	130	Khá	203/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
34	11143065	NGUYỄN HỒNG	KIM	29/12/93	Nữ	2.96	130	Khá	204/2015
35	11143067	HUỲNH THỊ HOÀNG	LAN	03/02/92	Nữ	3.32	132	Giỏi	205/2015
36	11143072	TRƯƠNG NGUYỄN PHƯƠ	LỘC	28/03/91	Nữ	3.08	130	Khá	206/2015
37	11143073	LƯƠNG TRỌNG	NGHĨA	08/10/93	Nam	3.10	131	Khá	207/2015
38	11143076	TRẦN THỊ HỒNG	NGỌC	18/11/93	Nữ	3.14	131	Khá	208/2015
39	11143083	PHẠM THỊ HÀ	NHƯ	03/08/93	Nữ	3.26	131	Giỏi	209/2015
40	11143087	MAI THỊ	PHƯỢNG	10/12/92	Nữ	3.20	130	Giỏi	210/2015
41	11143089	NGUYỄN THỊ	SÂM	12/02/92	Nữ	2.86	130	Khá	211/2015
42	11143090	NGUYỄN THỊ MINH	TÂM	12/09/93	Nữ	3.18	130	Khá	212/2015
43	11143092	NGUYỄN THỊ	THÀNH	06/04/93	Nữ	3.35	131	Giỏi	213/2015
44	11143095	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	13/12/93	Nữ	2.89	132	Khá	214/2015
45	11143096	TRỊNH THỊ THU	THẢO	/ /93	Nữ	3.16	130	Khá	215/2015
46	11143097	VÕ THỊ THU	THẢO	07/01/93	Nữ	3.06	130	Khá	216/2015
47	11143098	NGÔ NGỌC	THẮM	28/12/93	Nữ	3.31	130	Giỏi	217/2015
48	11143099	CAO THỊ LỆ	THU	10/05/93	Nữ	3.11	131	Khá	218/2015
49	11143108	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	26/05/93	Nữ	3.03	130	Khá	219/2015
50	11143109	NGUYỄN THÁI HỒNG	TRANG	17/08/93	Nữ	2.97	132	Khá	220/2015
51	11143110	NGUYỄN THỊ	TRANG	20/02/93	Nữ	2.81	131	Khá	221/2015
52	11143112	TRẦN THỊ THU	TRANG	06/07/93	Nữ	2.90	132	Khá	222/2015
53	11143114	NGUYỄN THỊ THU	TUYỀN	22/10/93	Nữ	2.65	130	Khá	223/2015
54	11143120	PHAN THỊ	YẾN	20/12/93	Nữ	3.07	131	Khá	224/2015
55	11143125	PHẠM THỊ DIỄM	MY	21/03/93	Nữ	2.89	131	Khá	225/2015
56	11143131	HỒ KIỀU	TRANG	27/05/93	Nữ	3.16	132	Khá	226/2015
57	11143132	TRƯƠNG DIỄM	TRANG	22/03/92	Nữ	3.02	130	Khá	227/2015
58	11143133	TRƯƠNG HỒNG	YẾN	24/06/93	Nữ	3.17	130	Khá	228/2015
59	11143138	NGUYỄN THỊ MỸ	NGUYỆT	25/09/93	Nữ	3.00	132	Khá	229/2015
60	11143139	TRẦN THỊ	NHỰT	21/06/93	Nữ	3.30	131	Giỏi	230/2015
61	11143140	NGUYỄN THỊ HOÀI	PHÚ	03/06/93	Nữ	3.26	130	Giỏi	231/2015
62	11143141	NGUYỄN THỊ HỒNG	THƯ	13/01/93	Nữ	3.00	132	Khá	232/2015
63	11143142	TRẦN THỊ KIỀU	TRANG	20/05/93	Nữ	3.00	131	Khá	233/2015
64	11143143	LÊ THỊ MỸ	TRINH	18/08/93	Nữ	3.13	132	Khá	234/2015
65	11143146	ĐẶNG KIỀU THÚY	VY	15/01/93	Nữ	3.38	132	Giỏi	235/2015
66	11143149	CAO THỊ MINH	CHÚC	28/04/93	Nữ	3.17	130	Khá	236/2015
67	11143154	LÊ VĂN	QUANG	05/07/93	Nam	3.07	132	Khá	237/2015
68	11143155	TRẦN THỊ	HUYỀN	03/04/93	Nữ	3.28	130	Giỏi	238/2015
69	11143160	HỒ PHƯỚC	ĐẠI	31/01/93	Nam	2.88	131	Khá	239/2015
70	11143166	PHẠM THỊ ĐA	GIÀU	30/04/93	Nữ	3.27	131	Giỏi	240/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
71	11143167	LÊ THỊ	QUYÊN	28/06/93	Nữ	3.35	132	Giỏi	241/2015
72	11143168	LÊ THỊ	HÀ	26/09/93	Nữ	2.82	132	Khá	242/2015
73	11143170	TRẦN THỊ KIM	LIÊN	10/07/92	Nữ	2.87	132	Khá	243/2015
74	11143172	TRẦN THANH KIM	THUẬN	15/02/92	Nữ	3.17	130	Khá	244/2015
75	11143180	LÊ THỊ MỸ	HUYỀN	04/12/92	Nữ	3.09	130	Khá	245/2015
76	11143184	HOÀNG THỊ NGỌC	ANH	10/04/93	Nữ	3.25	132	Giỏi	246/2015
77	11143187	ĐOÀN THỊ THÙY	DUNG	17/09/93	Nữ	2.85	130	Khá	247/2015
78	11143188	DIỆP NHƯ	QUỲNH	10/12/93	Nữ	3.31	131	Giỏi	248/2015
79	11143190	LÊ KHÁNH	LINH	09/09/93	Nữ	3.17	131	Khá	249/2015
80	11143191	HÀ THỊ THANH	CHI	01/10/93	Nữ	3.22	133	Giỏi	250/2015
81	11143194	BÙI THỊ	THÁI	24/12/93	Nữ	3.19	130	Khá	251/2015
82	11143197	ĐÀO THỊ THU	THỦY	14/05/93	Nữ	3.11	132	Khá	252/2015
83	11143201	TRẦN THỊ	THỊNH	10/09/93	Nữ	3.10	131	Khá	253/2015
84	11143202	ĐÀO HỮU	TRÍ	29/05/93	Nam	3.12	130	Khá	254/2015
85	11143203	NGUYỄN THỊ TRANG	THƯ	24/02/93	Nữ	3.02	130	Khá	255/2015
86	11143204	ĐINH NGỌC BẢO	TRÂM	11/01/93	Nữ	3.24	130	Giỏi	256/2015
87	11143231	NGUYỄN THU	HẰNG	08/05/93	Nữ	2.69	131	Khá	257/2015
88	11143233	NGUYỄN THU	VÂN	05/08/93	Nữ	3.49	131	Giỏi	258/2015
89	11143234	LÊ THỊ	MY	15/03/93	Nữ	3.01	130	Khá	259/2015
90	11143236	NGUYỄN THỊ	MAI	12/12/92	Nữ	3.13	131	Khá	260/2015
91	11143238	NGUYỄN THỊ TUYẾT	SƯƠNG	22/12/93	Nữ	3.26	132	Giỏi	261/2015
92	11143241	DƯƠNG THỊ THANH	THẢO	04/01/93	Nữ	3.12	130	Khá	262/2015
93	11143247	ĐOÀN THỊ THANH	THÚY	01/01/93	Nữ	3.49	131	Giỏi	263/2015
94	11143251	TRẦN THỊ QUỲNH	NHƯ	01/06/92	Nữ	3.01	130	Khá	264/2015
Lớp: DH11KN									
1	11155003	BÙI TẤN	ĐẠT	21/06/93	Nam	3.07	135	Khá	265/2015
2	11155012	TRẦN HỮU	CHÍ	21/01/92	Nam	2.88	136	Khá	266/2015
3	11155013	THÁI THỊ	HÀ	16/02/92	Nữ	2.86	136	Khá	267/2015
4	11155022	TRẦN THỊ DIỄM	HƯƠNG	06/01/93	Nữ	3.22	135	Giỏi	268/2015
5	11155023	NGUYỄN THÁI	THÀNH	20/04/93	Nam	3.08	137	Khá	269/2015
6	11155027	DƯƠNG THỦY	TRÚC	05/07/92	Nữ	3.03	136	Khá	270/2015
7	11155039	TRIỆU THỊ NGỌC	TRÂM	18/08/93	Nữ	2.86	136	Khá	271/2015
8	11155041	VŨ THỊ THÙY	DUNG	10/03/93	Nữ	3.23	136	Giỏi	272/2015
9	11155042	HUỲNH NGỌC	HUYỀN	06/06/93	Nữ	3.00	135	Khá	273/2015
10	11155045	PHAN THỊ	THẮM	21/08/93	Nữ	3.28	136	Giỏi	274/2015
11	11155052	VŨ THỊ HẠNH	TÂM	24/11/93	Nữ	3.18	136	Khá	275/2015
12	11155053	HUỲNH LÊ	VY	13/04/93	Nữ	2.95	136	Khá	276/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH11KT									
1	11120004	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	25/11/93	Nữ	3.53	138	Giỏi	277/2015
2	11120009	PHẠM QUỲNH	LOAN	26/11/93	Nữ	3.13	138	Khá	278/2015
3	11120011	TRẦN THỊ	PHƯỢNG	08/01/93	Nữ	3.18	138	Khá	279/2015
4	11120022	NGÔ THỊ THU	NGÂN	10/03/93	Nữ	2.98	138	Khá	280/2015
5	11120030	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	/ /93	Nữ	3.37	138	Giỏi	281/2015
6	11120036	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	21/02/93	Nam	3.20	138	Giỏi	282/2015
7	11120037	VÕ THỊ NGỌC	MỸ	17/09/93	Nữ	2.87	138	Khá	283/2015
8	11120040	BÙI THỊ THANH	PHƯƠNG	04/05/93	Nữ	2.96	138	Khá	284/2015
9	11120047	HUỲNH NGỌC MAI	THY	25/06/93	Nữ	2.76	138	Khá	285/2015
10	11120056	LƯƠNG THỊ	LINH	27/12/92	Nữ	3.10	138	Khá	286/2015
11	11120065	NGUYỄN THỊ	HƯNG	25/02/93	Nữ	2.93	138	Khá	287/2015
12	11120073	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	08/09/93	Nữ	3.49	138	Giỏi	288/2015
13	11120074	BÙI THỊ MINH	THƯ	05/12/93	Nữ	2.86	138	Khá	289/2015
14	11120075	PHẠM ANH	THƠ	13/07/93	Nữ	2.95	138	Khá	290/2015
15	11120077	NGUYỄN XUÂN	VIỆT	12/02/93	Nam	3.14	137	Khá	291/2015
16	11120078	PHẠM MINH	DƯƠNG	15/03/93	Nam	3.11	138	Khá	292/2015
17	11120081	MAI VĂN	KỲ	11/12/93	Nam	3.01	138	Khá	293/2015
18	11120083	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	04/09/92	Nữ	3.29	137	Giỏi	294/2015
19	11120084	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	25/05/93	Nam	3.25	138	Giỏi	295/2015
20	11120086	PHAN THỊ THANH	THẢO	22/12/93	Nữ	3.29	138	Giỏi	296/2015
21	11120088	TRẦN THỊ ÁNH	LOAN	29/09/93	Nữ	3.03	137	Khá	297/2015
22	11120094	NGÔ THỊ	THÚY	11/07/93	Nữ	3.32	137	Giỏi	298/2015
23	11120103	NGÔ THỊ THANH	CẨM	25/08/92	Nữ	3.04	137	Khá	299/2015
24	11120104	BÙI THỊ TÚY	PHƯỢNG	20/10/92	Nữ	3.37	138	Giỏi	300/2015
25	11120109	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ	02/02/93	Nữ	3.19	137	Khá	301/2015
26	11120113	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	12/10/93	Nữ	3.18	138	Khá	302/2015
27	11120116	PHẠM THANH	NÚI	16/06/93	Nam	3.27	139	Giỏi	303/2015
28	11120117	PHAN THANH	SANG	15/09/93	Nữ	3.30	138	Giỏi	304/2015
29	11120119	NGUYỄN THỊ	THẢO	05/06/93	Nữ	2.88	138	Khá	305/2015
30	11120121	HỒ PHẠM CẨM	NHUNG	05/10/93	Nữ	2.98	138	Khá	306/2015
31	11121002	NGUYỄN THÚY	HỒNG	29/03/93	Nữ	3.04	137	Khá	307/2015
32	11121003	ĐOÀN THỊ KIM	PHƯỢNG	01/08/93	Nữ	3.25	138	Giỏi	308/2015
33	11121006	PHẠM THỊ	THƯ	18/01/92	Nữ	2.76	137	Khá	309/2015
34	11121017	TRẦN THANH	THÚY	29/01/93	Nữ	3.00	137	Khá	310/2015
35	11121022	VÕ THỊ KIM	VI	20/05/93	Nữ	3.15	137	Khá	311/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH11QT									
1	11122002	HUỲNH THỊ LAN	CHI	18/06/93	Nữ	3.16	138	Khá	312/2015
2	11122004	ĐỖ HUỲNH THÚY	DUYÊN	30/10/93	Nữ	3.19	138	Khá	313/2015
3	11122010	PHAN ĐÌNH	HUY	01/09/93	Nam	2.78	138	Khá	314/2015
4	11122011	ĐÀO ĐẶNG THANH	HUYỀN	15/01/93	Nữ	3.15	138	Khá	315/2015
5	11122014	PHẠM THỊ MỸ	HƯƠNG	30/07/93	Nữ	3.55	137	Giỏi	316/2015
6	11122018	TRẦN ĐỨC	LÃM	10/09/93	Nam	3.03	137	Khá	317/2015
7	11122022	TRẦN THÙY	LINH	27/06/93	Nữ	3.25	136	Giỏi	318/2015
8	11122023	HUỲNH THỊ KIM	LY	16/12/93	Nữ	3.58	137	Giỏi	319/2015
9	11122026	NGUYỄN THỊ THÙY	MINH	01/01/93	Nữ	2.82	136	Khá	320/2015
10	11122028	THÁI NHƯ	NGỌC	19/01/93	Nữ	3.05	137	Khá	321/2015
11	11122035	NGUYỄN KHÂM	THIÊN	06/03/93	Nam	2.89	137	Khá	322/2015
12	11122036	PHẠM THỊ THU	THÚY	26/11/93	Nữ	3.42	136	Giỏi	323/2015
13	11122039	LA HOÀNG	VŨ	24/03/93	Nam	3.11	138	Khá	324/2015
14	11122041	TRÀ THỊ MỸ	HIỀN	20/04/93	Nữ	3.13	138	Khá	325/2015
15	11122043	TRẦN THỊ	THANH	20/07/93	Nữ	3.33	136	Giỏi	326/2015
16	11122044	HUỲNH VĂN	THUẬN	19/12/90	Nam	3.47	137	Giỏi	327/2015
17	11122046	LÊ THANH	TỊNH	16/06/93	Nam	3.38	137	Giỏi	328/2015
18	11122048	VÕ THỊ KIM	CHI	28/08/93	Nữ	3.55	137	Giỏi	329/2015
19	11122051	NGUYỄN THỊ TRÚC	QUỲNH	26/07/93	Nữ	3.35	136	Giỏi	330/2015
20	11122052	TRẦN THỊ MINH	TÂM	09/04/93	Nữ	2.91	136	Khá	331/2015
21	11122053	NGÔ THỊ NGỌC	THÚY	21/08/93	Nữ	3.48	136	Giỏi	332/2015
22	11122054	NGUYỄN THỊ QUYỀN	TRÂM	30/11/93	Nữ	3.25	138	Giỏi	333/2015
23	11122064	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	22/11/93	Nữ	3.58	138	Giỏi	334/2015
24	11122065	HÀ THỊ HỒNG	ĐÀO	19/07/93	Nữ	3.24	138	Giỏi	335/2015
25	11122066	NGUYỄN THỊ ANH	ĐÀO	12/01/93	Nữ	3.50	136	Giỏi	336/2015
26	11122073	VÕ THỊ THU	HỒNG	18/08/93	Nữ	3.26	138	Giỏi	337/2015
27	11122077	TRỊNH NGUYỄN THU	HUYỀN	03/09/93	Nữ	3.61	136	Xuất sắc	338/2015
28	11122078	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	02/05/93	Nữ	3.35	138	Giỏi	339/2015
29	11122081	PHẠM HÀ KIM	LINH	17/06/93	Nữ	3.25	136	Khá	340/2015
30	11122082	TRẦN MẠNH	LINH	22/02/93	Nam	3.15	137	Khá	341/2015
31	11122084	NGÔ THỊ KIM	MAI	03/08/93	Nữ	3.36	136	Giỏi	342/2015
32	11122087	LƯU THỊ BÍCH	NGỌC	07/02/93	Nữ	2.90	138	Khá	343/2015
33	11122088	LÊ THỊ HẠNH	NGUYÊN	28/12/93	Nữ	3.08	137	Khá	344/2015
34	11122089	LÊ THỊ THANH	NHÀN	15/07/93	Nữ	3.03	138	Khá	345/2015
35	11122093	DƯƠNG THẾ	TÂM	19/07/93	Nam	2.91	137	Khá	346/2015
36	11122094	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	02/09/93	Nữ	3.50	137	Giỏi	347/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
37	11122095	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ	19/05/93	Nữ	3.13	138	Khá	348/2015
38	11122097	NGUYỄN THÁI	PHƯƠNG	21/05/93	Nam	2.84	137	Khá	349/2015
39	11122098	PHAN THỊ	PHƯƠNG	12/06/93	Nữ	3.34	138	Giỏi	350/2015
40	11122102	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUYÊN	18/11/93	Nữ	3.52	137	Giỏi	351/2015
41	11122106	NGUYỄN THỊ	THANH	10/04/93	Nữ	3.63	137	Xuất sắc	352/2015
42	11122109	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	31/08/93	Nữ	3.30	136	Giỏi	353/2015
43	11122113	TRỊNH THỊ KIỀU	THI	20/04/93	Nữ	2.80	136	Khá	354/2015
44	11122117	LÊ THÙY	TRANG	24/08/93	Nữ	3.10	138	Khá	355/2015
45	11122122	BÙI KIM	TÙNG	15/08/93	Nam	3.01	136	Khá	356/2015
46	11122123	LÊ THỊ	TÚ	08/06/93	Nữ	3.18	137	Khá	357/2015
47	11122124	NGUYỄN THỊ BẢO	UYÊN	21/08/93	Nữ	3.37	136	Giỏi	358/2015
48	11122130	ĐẶNG HỒNG	HUẾ	16/05/93	Nữ	3.05	138	Khá	359/2015
49	11122132	VÕ THỊ DIỄM	TRINH	19/09/93	Nữ	3.43	136	Giỏi	360/2015
50	11122138	TĂNG THỊ	NGUYÊN	18/12/93	Nữ	3.24	137	Giỏi	361/2015
51	11122139	HUỲNH NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	09/12/93	Nữ	3.45	136	Giỏi	362/2015
52	11122141	NGUYỄN THỊ	THU	24/02/93	Nữ	3.13	137	Khá	363/2015
53	11122142	TRẦN THỊ HOÀI	THƯƠNG	21/03/93	Nữ	3.47	136	Giỏi	364/2015
54	11122146	TRẦN THỊ TRÚC	QUỲNH	07/06/92	Nữ	3.29	136	Giỏi	365/2015
Lớp: DH11TC									
1	11164002	PHẠM THỊ BÍCH	DÂNG	18/01/93	Nữ	3.00	136	Khá	366/2015
2	11164004	PHẠM THỊ NHƯ	THẤM	02/09/93	Nữ	3.53	139	Giỏi	367/2015
3	11164006	ĐÀO THỊ	BÌNH	05/08/93	Nữ	3.05	136	Khá	368/2015
4	11164008	LÂM THẢO	NGUYÊN	15/03/93	Nữ	3.09	138	Khá	369/2015
5	11164009	VÕ THỊ MINH	TÂM	01/01/93	Nữ	2.84	135	Khá	370/2015
6	11164010	SƠN THỊ THANH	THẢO	06/04/93	Nữ	3.24	136	Giỏi	371/2015
7	11164013	NGUYỄN THỊ CẨM	ANH	24/07/93	Nữ	3.35	136	Giỏi	372/2015
8	11164016	NGUYỄN THỊ	HẠNH	11/08/93	Nữ	3.29	136	Giỏi	373/2015
9	11164023	VƯƠNG THỊ MINH	NGỌC	20/09/93	Nữ	3.32	138	Giỏi	374/2015
10	11164028	NGUYỄN DUY	PHƯƠNG	21/05/93	Nam	2.94	137	Khá	375/2015
11	11164029	TRẦN HOÀNG	THANH	09/10/93	Nam	2.68	135	Khá	376/2015
12	11164030	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	28/06/93	Nữ	2.94	136	Khá	377/2015
13	11164033	PHẠM ĐOÀN MINH	TIÊN	10/05/93	Nữ	2.99	137	Khá	378/2015
14	11164034	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	25/10/93	Nữ	3.41	136	Giỏi	379/2015
15	11164037	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	25/10/93	Nữ	3.47	136	Giỏi	380/2015
16	11164040	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	17/12/93	Nữ	3.06	135	Khá	381/2015
17	11164042	NGUYỄN THỊ NGỌC	THIỆU	10/10/93	Nữ	3.23	138	Giỏi	382/2015
18	11164043	LÊ THỊ THU	THÚY	06/04/93	Nữ	3.18	137	Khá	383/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
19	11164044	NGÔ THỊ HUYỀN	TRÂM	15/08/93	Nữ	3.26	135	Giỏi	384/2015
Lớp: DH11TM									
1	11150008	HUỲNH THỊ HỒNG	THẮM	18/12/93	Nữ	3.31	135	Giỏi	385/2015
2	11150020	TRẦN NGỌC TRUNG	DU	10/01/93	Nam	3.44	136	Giỏi	386/2015
3	11150025	NGÔ CHÍ	TRUNG	19/05/93	Nam	3.21	138	Giỏi	387/2015
4	11150028	TRẦN NGỌC LAN	ANH	25/11/93	Nữ	3.24	136	Giỏi	388/2015
5	11150045	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN	30/08/93	Nữ	3.00	135	Khá	389/2015
6	11150051	NGUYỄN KHÁNH	NGÂN	02/02/93	Nữ	3.02	135	Khá	390/2015
7	11150059	TRẦN THỊ KIM	PHỤNG	15/09/93	Nữ	3.03	135	Khá	391/2015
8	11150063	BÙI LÊ BÍCH	PHƯỢNG	05/10/93	Nữ	3.18	135	Khá	392/2015
9	11150067	NGUYỄN BẢO	THI	09/11/93	Nữ	2.98	135	Khá	393/2015
10	11150077	DƯƠNG VĂN	TRỌNG	28/02/93	Nam	3.34	135	Giỏi	394/2015
11	11150082	HUỲNH THỊ BÍCH	VÂN	06/08/93	Nữ	3.47	135	Giỏi	395/2015
12	11150088	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRÂN	15/01/92	Nữ	2.92	135	Khá	396/2015
13	11150090	HUỲNH NGỌC	LIẾNG	06/09/93	Nữ	3.14	136	Khá	397/2015
14	11150091	LƯƠNG THỊ BÍCH	LY	15/07/93	Nữ	3.01	136	Khá	398/2015
15	11150096	HUỲNH THỊ BÍCH	PHƯƠNG	28/06/93	Nữ	3.39	136	Giỏi	399/2015
16	11150097	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	THẢO	05/03/93	Nữ	3.07	136	Khá	400/2015
Lớp: LT12KEA									
1	12423018	TRẦN THỊ HỒNG	NHUNG	01/09/90	Nữ	3.19	60	Khá	401/2015
2	12423021	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	01/02/85	Nữ	2.77	60	Khá	402/2015
3	12423055	TRẦN THỊ	HIẾU	15/04/86	Nữ	2.55	60	Khá	403/2015
4	12423070	NGUYỄN KHẮC	KỶ	29/01/89	Nam	2.87	60	Khá	404/2015
5	12423096	NGUYỄN THỊ	NGỌC	02/02/88	Nữ	3.56	60	Giỏi	405/2015
6	12423107	HUỲNH THỊ HỒNG	NHUNG	17/10/91	Nữ	3.21	60	Giỏi	406/2015
7	12423172	NGUYỄN THỊ LỆ	VÂN	19/12/84	Nữ	3.18	60	Khá	407/2015
Lớp: LT12KEB									
1	12423005	PHẠM NGỌC	ANH	22/11/87	Nữ	3.02	60	Khá	408/2015
2	12423030	LƯƠNG THỊ HƯƠNG	GIANG	07/05/88	Nữ	3.02	60	Khá	409/2015
3	12423068	HUỲNH THỊ QUANG	HUY	02/06/87	Nữ	2.90	60	Khá	410/2015
4	12423073	VÕ THÀNH	LỢI	07/01/88	Nam	2.76	60	Khá	411/2015
5	12423077	ĐÀM VŨ THÙY	LINH	14/07/87	Nữ	2.98	60	Khá	412/2015
6	12423080	NGUYỄN THỊ	LƯU	13/05/89	Nữ	3.23	60	Giỏi	413/2015
7	12423092	NGUYỄN THỊ	NGA	04/01/89	Nữ	2.63	60	Khá	414/2015
8	12423117	LÊ THỊ HOA	PHƯỢNG	17/05/91	Nữ	3.51	60	Giỏi	415/2015
9	12423140	PHẠM THỊ	THẢO	22/07/91	Nữ	3.44	60	Giỏi	416/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: ĐH Liên thông

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
10	12423146	NGUYỄN THỊ KIM	THANH	19/07/85	Nữ	2.78	60	Khá	417/2015
11	12423158	LÊ THỊ QUỲNH	TRÂN	31/05/90	Nữ	3.44	60	Giỏi	418/2015
12	12423168	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	02/02/91	Nữ	2.96	60	Khá	419/2015
Lớp: LT12QT									
1	12422014	PHẠM VĂN	HƯNG	01/10/89	Nam	3.24	64	Giỏi	420/2015
2	12422016	NGUYỄN THỊ THANH	KIỀU	19/12/91	Nữ	3.67	64	Xuất sắc	421/2015
3	12422027	NGUYỄN THANH	NHÃ	11/09/91	Nữ	3.75	64	Xuất sắc	422/2015
4	12422039	PHẠM THỊ	TƯƠI	08/03/90	Nữ	3.21	64	Giỏi	423/2015
5	12422044	HOÀNG THỊ	THIỀN	15/08/89	Nữ	3.54	61	Giỏi	424/2015
Lớp: LT13KE									
1	13123015	LÊ THỊ	DIỄM	15/11/91	Nữ	3.70	61	Xuất sắc	425/2015
2	13123020	NGÔ THỊ PHƯƠNG	DUNG	21/07/91	Nữ	3.01	61	Khá	426/2015
3	13123028	LÊ XUÂN	DƯƠNG	10/02/90	Nam	3.07	61	Khá	427/2015
4	13123119	HOÀNG THỊ	PHƯƠNG	01/08/91	Nữ	3.55	61	Giỏi	428/2015
5	13123125	NGUYỄN THỊ KIM	PHƯỢNG	10/05/91	Nữ	3.18	61	Khá	429/2015
6	13123132	TRƯƠNG HOÀNG	SƠN	19/01/89	Nam	3.39	61	Giỏi	430/2015
7	13123135	VÕ THỊ KIM	THANH	13/09/91	Nữ	3.58	61	Giỏi	431/2015
8	13123137	NGUYỄN TRUNG	THÀNH	25/11/91	Nam	2.78	59	Khá	432/2015
9	13123142	PHẠM THU	THẢO	15/05/90	Nữ	3.20	61	Giỏi	433/2015
10	13123147	TRẦN THỊ LỆ	THOA	09/04/91	Nữ	2.93	61	Khá	434/2015
11	13123154	NGUYỄN LÝ KIM	THÙY	03/12/92	Nữ	3.03	61	Khá	435/2015
12	13123156	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THỦY	09/12/91	Nữ	3.01	61	Khá	436/2015
13	13123174	TRỊNH NHẬT MINH	TUYỀN	13/09/91	Nữ	3.36	61	Giỏi	437/2015
Lớp: DH08CB17									
1	07115037	LÊ HỒNG	THƠ	10/10/86	Nam	2.71	138	Khá	438/2015
Lớp: DH08LN17									
1	08114115	LÊ VĂN	VỸ	05/06/90	Nam	2.32	136	Trung bình	439/2015
Lớp: DH10GB									
1	10134032	NGUYỄN THỊ THANH	KIỀU	26/10/92	Nữ	2.74	142	Khá	440/2015
2	10134035	NGUYỄN ANH	NGUYÊN	25/04/92	Nam	2.95	138	Khá	441/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH10QR									
1	10147015	HUỲNH QUANG	DIỆU	02/09/92	Nam	2.50	142	Khá	442/2015
Lớp: DH11CB									
1	11115009	NGÔ THÀNH	SƠN	16/10/93	Nam	2.85	136	Khá	443/2015
Lớp: DH11KL									
1	11170009	TỐNG HOÀNG	GIANG	02/01/93	Nam	3.05	137	Khá	444/2015
2	11170013	ĐỖ TRỌNG	VINH	08/12/93	Nam	2.98	135	Khá	445/2015
3	11170021	LÊ HẢI	ĐĂNG	12/01/92	Nam	2.53	136	Khá	446/2015
4	11170032	NGUYỄN	DƯƠNG	24/01/93	Nam	2.78	137	Khá	447/2015
5	11170034	HOÀNG THỊ	HIỀN	11/02/93	Nữ	3.17	136	Khá	448/2015
6	11170037	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	01/08/93	Nữ	3.04	136	Khá	449/2015
Lớp: DH11LN									
1	11114012	HOÀNG	ĐÀN	05/11/93	Nam	3.11	134	Khá	450/2015
2	11114039	ĐẬU HOÀI	THANH	10/06/92	Nam	2.53	134	Khá	451/2015
3	11114077	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	22/10/93	Nữ	2.86	134	Khá	452/2015
Lớp: DH11NK									
1	11146014	NGUYỄN THỊ MINH	HIỀN	09/10/93	Nữ	3.04	136	Khá	453/2015
2	11146019	LƯƠNG THỊ MỸ	LẠI	11/04/93	Nữ	2.77	137	Khá	454/2015
3	11146024	LÊ THỊ KIM	QUYÊN	12/07/93	Nữ	2.88	136	Khá	455/2015
4	11146028	NGUYỄN HUY	TOÀN	01/10/93	Nam	2.64	137	Khá	456/2015
5	11146052	LÊ THỊ	HỒNG	10/10/93	Nữ	3.08	137	Khá	457/2015
6	11146070	NGUYỄN THỊ THANH	HÀ	10/02/93	Nữ	2.80	136	Khá	458/2015
7	11146101	NGUYỄN SƠN NGUYỆT	THANH	07/01/93	Nữ	3.11	137	Khá	459/2015
Lớp: DH11QR									
1	11147028	LÊ THỊ	MAI	13/08/93	Nữ	3.11	137	Khá	460/2015
2	11147053	PHAN THƯƠNG	TÍN	10/09/92	Nam	2.74	136	Khá	461/2015
3	11147104	BÙI VĂN	DÂN	07/02/93	Nam	3.02	136	Khá	462/2015
4	11147129	HOÀNG THỊ	DIÊN	16/10/93	Nữ	3.08	136	Khá	463/2015
5	11147130	ĐỖ THỊ	DIỄM	15/05/93	Nữ	3.34	137	Giỏi	464/2015
6	11147133	HOÀNG THỊ	HIỀN	25/05/93	Nữ	2.80	137	Khá	465/2015
7	11147142	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	20/12/93	Nữ	2.78	136	Khá	466/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH09CH17									
1	09131039	NGUYỄN VĂN	LINH	03/12/91	Nam	2.82	141	Khá	467/2015
Lớp: DH09QM17									
1	09131114	PHẠM VĂN	NGUYỄN	29/07/91	Nam	2.62	138	Khá	468/2015
Lớp: DH10CH									
1	10131027	LÊ THỊ THU	LỆ	12/10/92	Nữ	3.19	140	Khá	469/2015
2	10131051	HÀ THỊ PHƯỢNG	QUYÊN	14/09/92	Nữ	3.03	141	Khá	470/2015
Lớp: DH10DL									
1	10157107	NGUYỄN TUẤN	MẠNH	18/04/92	Nam	2.70	138	Khá	471/2015
2	10157110	TRẦN THANH	MINH	05/02/92	Nam	2.93	139	Khá	472/2015
3	10157224	HOÀNG THỊ CẨM	TÚ	26/02/92	Nữ	2.95	139	Khá	473/2015
Lớp: DH10GE									
1	10173021	PHAN VĂN	DIỆN	11/05/92	Nam	2.43	138	Trung bình	474/2015
2	10173030	TRẦN PHẠM UYÊN	PHƯƠNG	15/01/92	Nữ	2.75	139	Khá	475/2015
Lớp: DH10MT									
1	09127097	LÂM TẤN	NHÃ	08/07/91	Nam	2.89	139	Khá	476/2015
Lớp: DH10QM									
1	10149005	NGUYỄN NHẬT	ANH	09/02/92	Nam	2.45	138	Trung bình	477/2015
2	10149032	TRẦN VĂN	DŨNG	04/01/92	Nam	2.76	138	Khá	478/2015
3	10149318	NGÔ THỊ	GIANG	20/12/92	Nữ	2.96	138	Khá	479/2015
Lớp: DH10QMGL									
1	09125230	VÕ THỊ NGỌC	CHÂU	08/06/91	Nữ	3.21	138	Khá	480/2015
2	10112299	NGUYỄN ĐÌNH	HẢI	10/08/91	Nam	2.97	138	Khá	481/2015
3	10114051	HOÀNG THỊ	TÂM	11/09/90	Nữ	2.82	138	Khá	482/2015
4	10114083	CAO THỊ	PHƯƠNG	22/02/92	Nữ	3.08	138	Khá	483/2015
5	10149263	PHAN HỮU	HIỀN	10/06/90	Nam	2.65	138	Khá	484/2015
6	10149285	VŨ THỊ HOÀNG	CẨM	24/11/92	Nữ	2.71	138	Khá	485/2015
7	10149290	TRẦN CAO	NGUYÊN	29/07/91	Nam	2.74	138	Khá	486/2015
8	10149307	LÊ KIỀU	THY	16/03/92	Nữ	2.74	138	Khá	487/2015
9	10149316	PHẠM QUANG	TUẤN	25/02/90	Nam	2.63	138	Khá	488/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH10TK									
1	10160011	CAO THỊ NGỌC	BÍCH	30/03/92	Nữ	2.93	139	Khá	489/2015
2	10160027	LÊ DIỄM	HẰNG	20/01/92	Nữ	3.11	139	Khá	490/2015
3	10160060	NGUYỄN KIM	NGÂN	01/04/92	Nữ	2.96	139	Khá	491/2015
4	10160154	HUỲNH ANH	TIẾN	19/09/92	Nam	3.11	140	Khá	492/2015
Lớp: DH11DL									
1	11157008	VŨ THỊ	GIÀU	12/02/93	Nữ	3.15	138	Khá	493/2015
2	11157014	TRẦN THỊ ÁNH	HỒNG	24/08/93	Nữ	3.13	138	Khá	494/2015
3	11157018	NGUYỄN MINH THÙY	KHANH	04/08/93	Nữ	3.17	138	Khá	495/2015
4	11157025	LÊ THỊ	PHƯƠNG	17/07/93	Nữ	3.12	138	Khá	496/2015
5	11157030	HÀ THỊ	THƠM	06/06/92	Nữ	3.04	138	Khá	497/2015
6	11157035	LÊ THỊ THỦY	TIÊN	09/04/93	Nữ	2.92	139	Khá	498/2015
7	11157038	NGUYỄN THỊ THỦY	TRIỀU	21/11/93	Nữ	3.09	138	Khá	499/2015
8	11157039	HUỲNH ĐẶNG DIỄM	TRINH	16/10/93	Nữ	3.26	139	Giỏi	500/2015
9	11157040	NGUYỄN THỊ LỆ	TRINH	20/09/93	Nữ	3.14	138	Khá	501/2015
10	11157042	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	30/06/93	Nữ	2.98	138	Khá	502/2015
11	11157043	PHAN NGỌC	TUẤN	01/10/93	Nam	2.84	139	Khá	503/2015
12	11157044	NGUYỄN THANH	TUYỀN	12/12/93	Nữ	2.96	139	Khá	504/2015
13	11157049	TRẦN VŨ TỐ	NHƯ	21/12/93	Nữ	3.00	139	Khá	505/2015
14	11157050	PHẠM NGUYỆT	PHƯƠNG	28/04/93	Nữ	3.04	138	Khá	506/2015
15	11157061	LÊ THỊ	THỜI	10/08/93	Nữ	3.16	139	Khá	507/2015
16	11157079	LÊ NGỌC	CHÂU	30/12/93	Nữ	3.07	138	Khá	508/2015
17	11157083	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	02/03/93	Nam	2.61	138	Khá	509/2015
18	11157088	SÁI ANH	CƯỜNG	15/08/93	Nam	3.03	138	Khá	510/2015
19	11157092	NGÔ THỊ CẨM	DUNG	31/07/93	Nữ	3.30	138	Giỏi	511/2015
20	11157099	NGUYỄN NGỌC THÙY	DƯƠNG	11/02/93	Nữ	2.95	138	Khá	512/2015
21	11157104	ĐOÀN VŨ ANH	ĐÀI	05/04/93	Nữ	2.81	138	Khá	513/2015
22	11157105	ĐOÀN THỊ HỒNG	ĐÀO	28/10/93	Nữ	3.15	138	Khá	514/2015
23	11157106	LÊ ANH	ĐÀO	06/11/93	Nữ	3.02	139	Khá	515/2015
24	11157107	NGUYỄN THỊ	ĐÀO	07/08/93	Nữ	3.01	138	Khá	516/2015
25	11157111	LÊ THỊ HỒNG	GẤM	29/11/93	Nữ	3.14	138	Khá	517/2015
26	11157118	VŨ THỊ THU	HÀ	28/04/93	Nữ	2.95	138	Khá	518/2015
27	11157136	TRẦN NGUYÊN	HIẾU	09/08/93	Nam	2.99	138	Khá	519/2015
28	11157140	ĐẶNG THỊ BẢO	HOÀNG	25/03/93	Nữ	3.08	139	Khá	520/2015
29	11157160	NGUYỄN XUÂN	KHANH	13/11/93	Nam	3.23	138	Giỏi	521/2015
30	11157165	TRƯƠNG VĂN	KHƯƠNG	06/08/93	Nam	2.95	138	Khá	522/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
31	11157168	VÕ THỊ DIỄM	KIỀU	12/06/93	Nữ	3.07	139	Khá	523/2015
32	11157173	HUỲNH THỊ	LỆ	15/09/93	Nữ	2.80	138	Khá	524/2015
33	11157174	ĐẶNG THỊ	LIÊN	05/05/93	Nữ	3.17	139	Khá	525/2015
34	11157179	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	21/11/93	Nữ	2.93	138	Khá	526/2015
35	11157217	PHẠM THỊ KIM	NGỌC	17/11/93	Nữ	3.08	138	Khá	527/2015
36	11157222	NGUYỄN TRẦN BẢO	NGUYÊN	02/10/93	Nữ	2.71	138	Khá	528/2015
37	11157228	TRẦN THỊ KIỀU	NHI	07/03/93	Nữ	2.76	139	Khá	529/2015
38	11157237	PHẠM THỊ NGỌC	NỮ	12/04/93	Nữ	2.98	138	Khá	530/2015
39	11157239	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	24/08/93	Nữ	2.96	139	Khá	531/2015
40	11157249	DƯƠNG THỊ	PHƯƠNG	10/10/93	Nữ	3.21	139	Giỏi	532/2015
41	11157261	PHẠM THỊ	QUÝ	16/03/93	Nữ	3.08	138	Khá	533/2015
42	11157265	LÊ TRẦN NAM	SƠN	10/05/93	Nam	2.83	138	Khá	534/2015
43	11157278	ĐINH ĐỨC	THẢO	01/01/93	Nam	3.02	138	Khá	535/2015
44	11157281	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	07/01/93	Nữ	3.15	139	Khá	536/2015
45	11157283	VŨ THỊ THANH	THẢO	29/05/93	Nữ	2.95	138	Khá	537/2015
46	11157289	TÔ HỮU	THIỆN	24/01/93	Nam	3.35	138	Giỏi	538/2015
47	11157304	NGUYỄN THỊ YẾN	THY	03/09/93	Nữ	2.83	138	Khá	539/2015
48	11157322	PHẠM THỊ HUYỀN	TRANG	13/11/93	Nữ	2.84	138	Khá	540/2015
49	11157328	TRẦN THỊ NGỌC	TRÂM	22/12/92	Nữ	3.10	139	Khá	541/2015
50	11157332	VÕ THỊ HOÀNG	TRINH	11/08/93	Nữ	3.27	138	Giỏi	542/2015
51	11157334	NGUYỄN TRỌNG	TRÍ	01/08/93	Nam	3.21	138	Giỏi	543/2015
52	11157337	LÊ THỊ ANH	TRÚC	10/01/93	Nữ	2.78	138	Khá	544/2015
53	11157349	HỒ MỸ	TUYẾT	17/02/93	Nữ	3.02	138	Khá	545/2015
54	11157356	NGUYỄN THỊ HỒNG	VÂN	22/11/93	Nữ	3.24	138	Giỏi	546/2015
55	11157365	NGUYỄN THỊ THÙY	VƯƠNG	09/12/93	Nữ	2.91	138	Khá	547/2015
56	11157368	HỒNG HOA	XINH	13/05/93	Nữ	3.16	139	Khá	548/2015
57	11157371	LÊ THỊ KIM	YẾN	/ /93	Nữ	3.06	138	Khá	549/2015
58	11157377	ĐẶNG THỊ	NHUNG	26/02/92	Nữ	3.10	138	Khá	550/2015
59	11157382	LÊ TÚ	ANH	20/06/93	Nữ	3.13	138	Khá	551/2015
60	11157408	HỒ HUỲNH	LONG	03/02/93	Nam	3.12	138	Khá	552/2015
61	11157415	HỒ THỊ ẢNH	NGUYỆT	07/03/93	Nữ	2.97	138	Khá	553/2015
62	11157418	TRẦN THỊ KIM	NI	10/10/93	Nữ	3.24	138	Giỏi	554/2015
63	11157419	PHẠM THỊ MỸ	OANH	20/12/93	Nữ	3.01	138	Khá	555/2015
64	11157423	HỒ THỊ XUÂN	QUỲNH	15/11/93	Nữ	2.90	139	Khá	556/2015
65	11157432	VĂN THỊ MINH	THƯ	08/05/93	Nữ	2.93	138	Khá	557/2015
66	11157434	LÊ THỊ KIỀU	TIÊN	25/09/93	Nữ	3.15	138	Khá	558/2015
67	11157435	LÊ ĐÌNH	TIẾN	01/07/93	Nam	2.87	138	Khá	559/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH11MT									
1	11127101	NGÔ THỊ CẨM	HUYỀN	14/01/93	Nữ	3.28	138	Giỏi	560/2015
2	11127105	PHẠM MẠNH	HÙNG	01/08/93	Nam	3.01	138	Khá	561/2015
3	11127128	PHẠM VŨ	LINH	13/02/93	Nam	3.08	138	Khá	562/2015
4	11127137	NGUYỄN THỊ NGỌC	MỸ	10/05/92	Nữ	3.00	138	Khá	563/2015
Lớp: DH11QM									
1	10134900	CAO PHƯƠNG	THẢO	02/04/91	Nữ	3.29	138	Giỏi	564/2015
2	11149002	TRƯƠNG THỊ MỸ	ÁI	07/11/93	Nữ	3.11	138	Khá	565/2015
3	11149005	TRẦN MINH	CHÁNH	28/05/93	Nam	3.10	138	Khá	566/2015
4	11149010	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	24/07/93	Nữ	3.21	138	Giỏi	567/2015
5	11149012	HOÀNG THỊ ANH	ĐÀO	06/10/93	Nữ	3.01	138	Khá	568/2015
6	11149013	TRẦN QUỐC	ĐẠT	30/08/93	Nam	2.97	138	Khá	569/2015
7	11149020	NGUYỄN MINH	HOÀNG	30/10/93	Nam	3.12	138	Khá	570/2015
8	11149022	CA THỊ HỒNG	LÊ	28/06/93	Nữ	2.81	138	Khá	571/2015
9	11149023	HUỲNH THỊ TRÚC	LINH	12/04/93	Nữ	2.76	138	Khá	572/2015
10	11149024	LÊ BÙI TƯỜNG	LINH	06/01/93	Nữ	2.85	138	Khá	573/2015
11	11149028	VŨ THỊ KIM	NGÂN	02/08/93	Nữ	3.05	138	Khá	574/2015
12	11149030	LÊ THANH	NGỌC	14/12/93	Nữ	3.17	138	Khá	575/2015
13	11149035	VŨ CẨM	NHUNG	28/09/93	Nữ	2.77	138	Khá	576/2015
14	11149051	NGUYỄN MINH	TOÀN	19/05/92	Nam	2.94	138	Khá	577/2015
15	11149055	LÊ THỊ NGỌC	TRÂM	23/03/93	Nữ	2.95	138	Khá	578/2015
16	11149057	ĐỖ THỊ THANH	TUYỀN	28/12/93	Nữ	2.86	138	Khá	579/2015
17	11149058	NGUYỄN DƯƠNG MINH	TUYẾT	07/10/93	Nữ	2.92	138	Khá	580/2015
18	11149060	TRẦN THỊ	TƯƠI	26/10/93	Nữ	2.97	138	Khá	581/2015
19	11149070	HÀ THỊ ĐÀI	LOAN	29/12/93	Nữ	2.98	138	Khá	582/2015
20	11149076	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	15/08/93	Nữ	2.92	138	Khá	583/2015
21	11149096	LÂM HUY	BÌNH	29/03/93	Nam	3.38	138	Giỏi	584/2015
22	11149098	NGUYỄN LÊ THÁI	BÌNH	07/08/93	Nam	2.91	138	Khá	585/2015
23	11149100	VÕ THỊ DIỆU	BÌNH	21/09/93	Nữ	3.02	138	Khá	586/2015
24	11149104	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHÂU	11/02/93	Nữ	3.40	138	Giỏi	587/2015
25	11149106	PHẠM THỊ KIM	CHI	05/12/93	Nữ	2.93	138	Khá	588/2015
26	11149108	VŨ NGUYỄN LỆ	CHI	22/10/93	Nữ	2.74	138	Khá	589/2015
27	11149109	PHẠM VĂN	CHIẾN	26/04/93	Nam	3.33	139	Giỏi	590/2015
28	11149113	NGUYỄN VĂN	CHƯƠNG	22/12/93	Nam	2.79	138	Khá	591/2015
29	11149116	ĐÀO THỊ KIM	CÚC	10/07/93	Nữ	3.37	138	Giỏi	592/2015
30	11149117	CAO PHÚ	CƯỜNG	14/11/93	Nam	2.84	138	Khá	593/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
31	11149123	LÊ HUYỀN	DIỆU	20/09/93	Nữ	2.96	138	Khá	594/2015
32	11149125	ĐINH THỊ CẨM	DUNG	15/08/93	Nữ	2.83	139	Khá	595/2015
33	11149132	PHAN NHẬT	DUY	18/03/93	Nam	2.93	139	Khá	596/2015
34	11149134	VÕ NỮ KIM	DUYÊN	09/12/93	Nữ	3.30	138	Giỏi	597/2015
35	11149136	NGÔ TRUNG	DŨNG	24/03/93	Nam	2.72	138	Khá	598/2015
36	11149156	NGUYỄN THỊ TRÀ	GIANG	24/03/93	Nữ	3.07	138	Khá	599/2015
37	11149166	LÊ NGỌC THANH	HẰNG	03/01/93	Nữ	2.76	138	Khá	600/2015
38	11149170	VƯƠNG	HẬU	01/12/93	Nam	3.20	138	Giỏi	601/2015
39	11149173	NGUYỄN LỆ MINH	HIỀN	05/05/93	Nữ	3.10	138	Khá	602/2015
40	11149174	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	08/01/93	Nữ	3.20	138	Giỏi	603/2015
41	11149180	NGÔ THỊ KIM	HOA	05/12/93	Nữ	2.78	138	Khá	604/2015
42	11149197	ĐOÀN THỊ LỆ	HUYỀN	19/09/93	Nữ	2.98	138	Khá	605/2015
43	11149208	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	27/03/93	Nữ	3.03	138	Khá	606/2015
44	11149227	ĐOÀN PHÚ	LỘC	01/10/93	Nam	2.90	138	Khá	607/2015
45	11149234	LÊ THỊ KIM	LUYẾN	10/03/93	Nữ	2.90	138	Khá	608/2015
46	11149238	NGUYỄN VĂN	MẠNH	16/07/93	Nam	3.08	138	Khá	609/2015
47	11149241	NGỌC THANH	MINH	14/08/92	Nam	2.92	138	Khá	610/2015
48	11149245	VƯU HOÀN HẢI	MY	07/11/93	Nữ	3.20	138	Giỏi	611/2015
49	11149263	LÊ YẾN	NGỌC	01/11/93	Nữ	3.10	138	Khá	612/2015
50	11149264	NGUYỄN HỒ ANH	NGỌC	31/10/93	Nam	3.12	138	Khá	613/2015
51	11149265	PHẠM HỒNG	NGỌC	23/02/93	Nam	3.14	139	Khá	614/2015
52	11149266	LƯƠNG PHỤNG	NGUYÊN	25/08/93	Nữ	2.87	138	Khá	615/2015
53	11149267	NGUYỄN THỊ	NGUYÊN	28/05/93	Nữ	3.02	138	Khá	616/2015
54	11149268	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	13/06/93	Nữ	3.30	138	Giỏi	617/2015
55	11149270	TRƯƠNG THỊ THANH	NGUYỆT	18/04/93	Nữ	3.24	138	Giỏi	618/2015
56	11149287	NGUYỄN MINH	NHỰT	27/07/93	Nam	3.39	138	Giỏi	619/2015
57	11149289	TRẦN VĂN	NINH	06/06/93	Nam	3.07	138	Khá	620/2015
58	11149291	BÙI THỊ NGỌC	OANH	03/04/93	Nữ	3.09	138	Khá	621/2015
59	11149292	NGUYỄN TẤN	PHÁT	07/03/93	Nam	3.04	138	Khá	622/2015
60	11149301	NGUYỄN VIẾT HOÀI	PHƯƠNG	17/07/93	Nữ	3.11	138	Khá	623/2015
61	11149303	TRẦN THỊ	PHƯỢNG	18/05/93	Nữ	3.07	138	Khá	624/2015
62	11149328	LƯƠNG THỊ THANH	TÂM	23/08/93	Nữ	3.01	138	Khá	625/2015
63	11149337	LÊ THỊ THANH	THẢO	12/11/93	Nữ	2.88	138	Khá	626/2015
64	11149340	NGUYỄN THU	THẢO	20/09/93	Nữ	2.64	138	Khá	627/2015
65	11149342	TRẦN THỊ	THẢO	08/09/93	Nữ	2.86	138	Khá	628/2015
66	11149343	TRẦN VĂN	THẢO	20/04/93	Nam	3.00	138	Khá	629/2015
67	11149345	HUỲNH VĂN	THÁI	02/02/93	Nam	3.11	138	Khá	630/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
68	11149371	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THÚY	12/08/93	Nữ	3.07	138	Khá	631/2015
69	11149385	NGÔ MINH	TOÀN	10/08/93	Nam	2.94	138	Khá	632/2015
70	11149389	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG	18/11/93	Nữ	2.89	138	Khá	633/2015
71	11149406	LÊ THÀNH	TRUNG	25/06/93	Nam	2.90	138	Khá	634/2015
72	11149414	NGUYỄN ANH	TUẤN	22/06/93	Nam	3.13	138	Khá	635/2015
73	11149419	TRỊNH QUỐC	TUẤN	27/08/93	Nam	2.95	138	Khá	636/2015
74	11149443	NGUYỄN NGỌC THÚY	VY	22/09/93	Nữ	2.84	138	Khá	637/2015
75	11149447	NGUYỄN THỊ KIM	XUYẾN	10/02/93	Nữ	3.08	138	Khá	638/2015
76	11149448	HOÀNG THỊ	YẾN	24/06/93	Nữ	3.09	138	Khá	639/2015
77	11149450	PHAN THỊ	YẾN	05/02/92	Nữ	3.06	138	Khá	640/2015
78	11149451	TRẦN NGỌC HẢI	YẾN	24/08/93	Nữ	2.87	138	Khá	641/2015
79	11149455	NGUYỄN HỮU	THÀNH	03/05/92	Nam	3.05	138	Khá	642/2015
80	11149461	BÙI KIM	CHẤN	19/05/93	Nam	3.01	138	Khá	643/2015
81	11149467	LÊ DƯƠNG ANH	ĐÀO	11/07/93	Nữ	3.36	138	Giỏi	644/2015
82	11149472	VÕ VĂN	HẠ	27/05/93	Nam	3.10	139	Khá	645/2015
83	11149474	ĐẶNG THỊ	HẬU	12/06/93	Nữ	2.90	138	Khá	646/2015
84	11149475	LÊ THÁI	HIỀN	02/10/93	Nam	2.77	138	Khá	647/2015
85	11149481	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	16/07/93	Nữ	2.99	138	Khá	648/2015
86	11149482	NGUYỄN BÁ	KHẢI	20/07/93	Nam	3.14	138	Khá	649/2015
87	11149485	NGUYỄN THỊ	LỆ	19/03/93	Nữ	3.14	138	Khá	650/2015
88	11149488	LÊ ĐỨC	LĨNH	06/02/93	Nam	3.15	138	Khá	651/2015
89	11149491	NGUYỄN THỊ QUÝ	MY	14/03/93	Nữ	2.95	138	Khá	652/2015
90	11149495	NGUYỄN THẢO	NGUYÊN	20/08/93	Nữ	3.55	138	Giỏi	653/2015
91	11149500	ĐẶNG THỊ KIM	NHỊ	27/11/93	Nữ	3.20	138	Giỏi	654/2015
92	11149501	CAO THỊ CẨM	NHƯ	08/10/93	Nữ	2.93	138	Khá	655/2015
93	11149502	VÕ THỊ NGỌC	OANH	09/03/93	Nữ	3.33	138	Giỏi	656/2015
94	11149505	VŨ HUỆ	QUYÊN	05/09/93	Nữ	2.85	138	Khá	657/2015
95	11149507	NGUYỄN ĐỨC	TÀI	18/09/93	Nam	2.50	138	Khá	658/2015
96	11149509	TRẦN THỊ THANH	TÂM	11/10/93	Nữ	3.19	138	Khá	659/2015
97	11149513	NGUYỄN CHÍ	THANH	19/10/93	Nam	2.85	138	Khá	660/2015
98	11149517	ĐOÀN PHƯƠNG	THẢO	26/10/93	Nữ	2.80	138	Khá	661/2015
99	11149518	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	22/09/93	Nữ	3.16	138	Khá	662/2015
100	11149519	VÕ THỊ MINH	THẠNH	09/02/93	Nữ	2.93	138	Khá	663/2015
101	11149525	LÊ THỊ THU	THÙY	14/05/93	Nữ	3.20	138	Giỏi	664/2015
102	11149537	LÊ HOÀNG PHONG	VŨ	13/08/93	Nam	2.94	138	Khá	665/2015
103	11149539	NGUYỄN Ý	VY	09/09/93	Nữ	2.64	138	Khá	666/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH10BV									
1	10145052	TRẦN THỊ	HÒA	20/01/92	Nữ	2.90	147	Khá	667/2015
2	10145061	LÊ DIỄM	HƯƠNG	03/09/92	Nữ	2.68	147	Khá	668/2015
3	10145169	TÔ THANH	TÚ	16/05/91	Nam	2.56	146	Khá	669/2015
Lớp: DH10NH									
1	10113057	NGUYỄN QUỐC	HUY	29/01/91	Nam	2.85	146	Khá	670/2015
2	10113092	HUỲNH THẾ	NAM	07/09/92	Nam	2.92	146	Khá	671/2015
3	10113110	NGUYỄN THỊ KIỀU	PHÚC	20/12/92	Nữ	2.97	146	Khá	672/2015
4	10113118	LƯƠNG TẤN	PHƯỚC	07/04/92	Nam	2.79	146	Khá	673/2015
5	10113221	THỊ KIM	THÀ	09/06/90	Nữ	2.90	146	Khá	674/2015
6	10113222	KIM	THỜI	01/02/91	Nam	2.79	146	Khá	675/2015
Lớp: DH10NHGL									
1	10113210	ĐINH THI THU	HIỀN	18/05/90	Nữ	3.19	146	Khá	676/2015
2	10113216	NGUYỄN HỮU	TƯỜNG	14/04/92	Nam	2.91	146	Khá	677/2015
Lớp: DH10AV									
1	10128050	PHAN THỊ HOàNG	LỘC	12/08/92	Nữ	2.96	140	Khá	678/2015
2	10128070	LÊ NGUYỄN HOÀNG	OANH	04/11/92	Nữ	2.66	140	Khá	679/2015
Lớp: DH08QL17									
1	08141900	NGUYỄN TÀI	TÚ	/ /	Nam	2.60	139	Khá	680/2015
Lớp: DH09TB17									
1	09135178	PHAN QUANG	THIỆN	02/04/90	Nam	2.74	140	Khá	681/2015
Lớp: DH10DC									
1	10151009	NGUYỄN NGỌC	HẢI	31/07/92	Nam	2.70	142	Khá	682/2015
2	10151010	PHAN BÙI THANH	HẢI	31/01/92	Nam	2.43	141	Trung bình	683/2015
3	10151023	TRẦN BÁ LƯƠNG	NHẪN	22/09/91	Nam	2.67	139	Khá	684/2015
4	10151033	NGUYỄN THIÊN	THẮNG	15/02/90	Nam	2.65	140	Khá	685/2015
5	10151106	NGÔ TẤN	NIÊN	25/06/92	Nam	2.33	140	Trung bình	686/2015
Lớp: DH10QL									
1	10124007	NGUYỄN THỊ MAI	ANH	30/08/92	Nữ	2.56	139	Khá	687/2015
2	10124035	NGUYỄN VĂN	ĐẠI	15/08/91	Nam	3.06	139	Khá	688/2015
3	10124037	VÕ PHẠM NGỌC	ĐẠT	16/01/92	Nam	2.79	140	Khá	689/2015
4	10124039	ĐẶNG HỒNG	ĐỨC	28/02/92	Nam	2.57	139	Khá	690/2015
5	10124059	ĐOÀN MINH	HOÀNG	01/04/92	Nam	2.60	140	Khá	691/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
6	10124087	ĐẶNG THỊ THÙY	LIÊN	16/04/92	Nữ	2.52	139	Khá	692/2015
7	10124135	NGUYỄN YẾN	NHÂN	12/10/91	Nam	2.46	139	Trung bình	693/2015
8	10124136	TRẦN THIỆN	NHÂN	18/09/92	Nam	2.34	139	Trung bình	694/2015
9	10124140	TRẦN MẪN	NHI	11/08/92	Nam	2.57	141	Khá	695/2015
10	10124161	PHẠM NHƯ	QUỲNH	19/01/92	Nữ	2.98	140	Khá	696/2015
11	10124163	TRƯƠNG HOÀNG	SANG	27/01/92	Nam	2.45	139	Trung bình	697/2015
12	10124165	NGUYỄN VĂN	SƠN	06/02/92	Nam	2.44	140	Trung bình	698/2015
13	10124169	PHAN THANH	TÂM	10/03/92	Nam	2.35	139	Trung bình	699/2015
14	10124181	NGUYỄN QUỐC	THÁI	16/11/92	Nam	2.27	139	Trung bình	700/2015
15	10124232	TRẦN HUỲNH NHẬT	TRƯỜNG	19/01/92	Nam	2.41	139	Trung bình	701/2015
Lớp: DH10QLNT									
1	10124278	TRẦN THỊ YẾN	ẨN	12/01/91	Nữ	3.42	139	Giỏi	702/2015
2	10124280	MAI LÊ TUẤN	DŨNG	11/10/92	Nam	3.27	139	Giỏi	703/2015
3	10124282	TRẦN THY NHIÊN	DUY	24/02/92	Nữ	2.99	139	Khá	704/2015
4	10124290	LƯU THỊ	HỒNG	01/02/92	Nữ	2.90	139	Khá	705/2015
5	10124291	NGUYỄN HUỲNH	LIÊN	31/01/91	Nữ	3.04	139	Khá	706/2015
6	10124297	NGUYỄN THỊ TẢO	VY	28/06/92	Nữ	3.02	139	Khá	707/2015
7	10124298	HUỲNH LÊ TÚ	UYÊN	27/12/92	Nữ	3.18	139	Khá	708/2015
8	10124316	ĐẶNG THỊ	BÚP	05/02/92	Nữ	3.07	139	Khá	709/2015
9	10124329	NGUYỄN THỊ MỸ	PHƯỚC	09/12/92	Nữ	2.97	139	Khá	710/2015
Lớp: DH10TB									
1	10135100	NGÔ THỊ	THU	29/07/91	Nữ	2.91	139	Khá	711/2015
2	10135105	NGUYỄN PHẠM ANH	THƯ	06/06/92	Nữ	2.82	139	Khá	712/2015
3	10135124	ĐẶNG CÔNG	TRÍ	13/10/92	Nam	2.82	139	Khá	713/2015
Lớp: DH11DC									
1	11151011	NGUYỄN MINH	VIỆT	20/03/93	Nam	2.84	139	Khá	714/2015
2	11151015	NGUYỄN THỊ	THANH	20/06/93	Nữ	3.05	139	Khá	715/2015
3	11151018	TRẦN THỊ KIM	VÂN	21/08/93	Nữ	2.70	140	Khá	716/2015
4	11151029	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂM	26/01/93	Nữ	3.01	139	Khá	717/2015
5	11151048	NGUYỄN THỊ	TÌNH	27/07/93	Nữ	3.41	139	Giỏi	718/2015
6	11151056	VÕ THỊ KIM	THOA	15/10/93	Nữ	3.00	139	Khá	719/2015
7	11151059	NGUYỄN THÙY	TRANG	26/10/93	Nữ	3.13	140	Khá	720/2015
8	11151060	CHÂU MINH	SƠN	01/02/93	Nam	3.02	139	Khá	721/2015
9	11151078	NGUYỄN NHẬT	TRÂM	07/01/93	Nữ	3.02	140	Khá	722/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH11QL									
1	11124001	ĐẶNG THỊ	ANH	11/10/93	Nữ	3.13	139	Khá	723/2015
2	11124002	TRẦN NGỌC	CHI	09/04/93	Nữ	3.15	139	Khá	724/2015
3	11124005	DƯƠNG NGỌC	DỄ	15/03/93	Nam	2.93	140	Khá	725/2015
4	11124009	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	19/10/92	Nữ	3.17	139	Khá	726/2015
5	11124013	NGUYỄN THÀNH	ĐÔ	30/01/93	Nam	2.84	139	Khá	727/2015
6	11124018	ĐỖ THỊ	HẠNH	22/05/93	Nữ	3.12	139	Khá	728/2015
7	11124019	VÕ THỊ BÍCH	HẠNH	17/03/93	Nữ	2.83	139	Khá	729/2015
8	11124021	NGUYỄN THU	HIỀN	23/10/93	Nữ	2.78	139	Khá	730/2015
9	11124026	NGUYỄN VĂN	HUẤN	25/12/92	Nam	3.18	139	Khá	731/2015
10	11124028	TRẦN THỊ LỆ	HUYỀN	22/05/92	Nữ	2.91	139	Khá	732/2015
11	11124040	HUỲNH VĂN	QUÍ	10/04/91	Nam	3.17	140	Khá	733/2015
12	11124048	NGÔ HƯNG	THỊNH	24/06/93	Nam	2.95	140	Khá	734/2015
13	11124059	LÊ HOÀNG	YẾN	14/10/93	Nữ	3.07	139	Khá	735/2015
14	11124064	TRẦN THỊ MAI	HOA	30/08/92	Nữ	3.33	139	Giỏi	736/2015
15	11124068	ĐỖ QUANG	THẢO	16/03/93	Nam	3.15	140	Khá	737/2015
16	11124072	KIỀU NGUYỄN KỲ	DUYÊN	04/10/93	Nữ	2.98	140	Khá	738/2015
17	11124080	PHẠM VĂN	HẢI	16/08/93	Nam	3.16	140	Khá	739/2015
18	11124091	LÝ THỊ	NGA	12/07/93	Nữ	2.77	139	Khá	740/2015
19	11124092	NGUYỄN THỊ BẢO	NGÂN	15/02/93	Nữ	2.95	139	Khá	741/2015
20	11124105	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	15/12/93	Nữ	3.30	139	Giỏi	742/2015
21	11124106	NGÔ THỊ KIM	PHƯỢNG	/ /92	Nữ	3.07	139	Khá	743/2015
22	11124117	HÀ THỊ MAI	TRINH	11/11/93	Nữ	3.38	139	Giỏi	744/2015
23	11124120	LÊ VĂN PHƯỚC	ĐẶNG	02/02/93	Nam	2.61	139	Khá	745/2015
24	11124123	HUỲNH YẾN	NGỌC	11/04/93	Nữ	3.08	139	Khá	746/2015
25	11124125	NGUYỄN VĂN	RASIN	03/05/93	Nam	3.09	140	Khá	747/2015
26	11124164	BÙI VĂN	THANH	20/04/92	Nam	2.74	139	Khá	748/2015
Lớp: DH11QLNT									
1	11124158	VÕ THỊ HOÀNG	ANH	20/09/93	Nữ	2.91	139	Khá	749/2015
2	11124206	BẠCH LÂM	SƠN	06/08/93	Nam	2.89	139	Khá	750/2015
3	11124209	NGUYỄN TRÀ NGUYÊN	TRÂN	27/06/92	Nam	3.07	139	Khá	751/2015
4	11124210	TỐNG MINH	HOÀNG	15/03/93	Nam	2.83	139	Khá	752/2015
5	11124214	TRẦN THỊ THU	THÙY	20/04/92	Nam	3.00	139	Khá	753/2015
6	11124218	PHẠM THỊ ÁNH	THU	04/01/93	Nam	3.02	139	Khá	754/2015
7	11124220	ĐỖ HƯƠNG	GIANG	16/06/93	Nam	2.86	139	Khá	755/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH11TB									
1	11135002	LÊ PHÚC	ĐIỆP	16/11/93	Nam	2.93	139	Khá	756/2015
2	11135009	NGUYỄN LÊ MINH	HIẾU	27/07/93	Nữ	3.27	139	Giỏi	757/2015
3	11135015	TÔN HỒNG	NGỌC	05/03/93	Nữ	3.05	139	Khá	758/2015
4	11135023	NGUYỄN THỊ KIM	THÙY	10/03/93	Nữ	2.96	140	Khá	759/2015
5	11135029	DƯƠNG BẢO	TRÂN	23/09/93	Nữ	3.52	139	Giỏi	760/2015
6	11135031	TRẦN ANH	TRÂM	01/06/93	Nữ	3.13	139	Khá	761/2015
7	11135038	VÕ NGUYỄN BẢO	CHÂU	15/09/93	Nữ	3.06	139	Khá	762/2015
8	11135041	NGUYỄN DƯƠNG HOÀNG	HẢI	20/04/93	Nam	3.19	140	Khá	763/2015
9	11135045	TRẦN THỊ KIM	HẰNG	01/02/93	Nữ	3.36	139	Giỏi	764/2015
10	11135058	TRẦN THANH THANH	TÂM	26/05/93	Nữ	3.22	139	Giỏi	765/2015
11	11135064	DƯƠNG QUÝ	THỦY	24/01/93	Nữ	3.16	139	Khá	766/2015
12	11135070	PHẠM THỊ ĐOAN	TRANG	13/01/93	Nữ	3.44	139	Giỏi	767/2015
Lớp: LT10QL17									
1	10424060	NGUYỄN NGỌC	QUÂN	05/01/88	Nam	2.21	62	Trung bình	768/2015
2	10424052	VÕ THỊ CẨM	NHUNG	19/07/88	Nữ	2.94	65	Khá	769/2015
Lớp: LT12QL									
1	12424003	PHẠM VĂN	ĐỒNG	22/12/82	Nam	2.27	64	Trung bình	770/2015
2	12424004	ĐẶNG CÔNG	ĐỨC	28/01/90	Nam	2.97	64	Khá	771/2015
3	12424005	LÊ THỊ TRƯỜNG	AN	22/01/91	Nữ	3.05	64	Khá	772/2015
4	12424006	GIANG HOÀNG DIỆP	ANH	13/03/88	Nữ	3.15	64	Khá	773/2015
5	12424008	NGUYỄN THẾ	ANH	29/10/91	Nam	3.05	61	Khá	774/2015
6	12424012	ĐỖ VĂN	BA	04/06/89	Nam	2.80	64	Khá	775/2015
7	12424017	TỪ NGỌC	DUY	04/01/87	Nam	2.94	64	Khá	776/2015
8	12424018	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	21/05/88	Nữ	3.03	64	Khá	777/2015
9	12424020	NGÔ THANH	HẰNG	04/02/90	Nữ	2.84	64	Khá	778/2015
10	12424022	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	25/03/90	Nữ	3.21	64	Giỏi	779/2015
11	12424023	TRƯƠNG MỸ	HỒNG	06/10/91	Nữ	3.30	61	Giỏi	780/2015
12	12424025	VÕ THỊ KIM	HƯỜNG	30/09/90	Nữ	3.22	64	Giỏi	781/2015
13	12424026	LÊ THỊ	HIỀN	12/11/90	Nữ	2.91	61	Khá	782/2015
14	12424027	PHAN THANH	HIỀN	30/07/91	Nữ	3.36	61	Giỏi	783/2015
15	12424029	TRẦN VĂN	HOÀI	10/02/91	Nam	2.93	61	Khá	784/2015
16	12424030	NGUYỄN HỮU HUY	HOÀNG	20/04/91	Nam	3.08	64	Khá	785/2015
17	12424031	LÊ THỊ NGÂN	HOA	05/11/91	Nữ	3.00	61	Khá	786/2015
18	12424033	ĐẶNG THỊ THÚY	KIỀU	26/08/91	Nữ	3.12	64	Khá	787/2015
19	12424034	ĐÀO HOÀNG NHẬT	LAN	21/01/90	Nữ	2.94	64	Khá	788/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: ĐH Liên thông

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
20	12424035	TRẦN NGUYỄN THANH	LAN	20/02/91	Nữ	2.84	64	Khá	789/2015
21	12424037	NGUYỄN THỊ	LIÊN	17/07/89	Nữ	2.95	61	Khá	790/2015
22	12424038	ĐỖ THỊ	LIÊN	16/03/91	Nữ	2.88	64	Khá	791/2015
23	12424040	NGUYỄN THỊ TRÚC	TRINH	19/06/91	Nữ	3.11	64	Khá	792/2015
24	12424041	NGUYỄN THỊ THANH	LOAN	24/11/88	Nữ	2.85	64	Khá	793/2015
25	12424042	TRỊNH THỊ CẨM	LOAN	30/06/89	Nữ	2.88	64	Khá	794/2015
26	12424044	ĐỖ THỊ NGỌC	LOAN	28/09/90	Nữ	3.09	64	Khá	795/2015
27	12424045	LÊ THỊ	LY	12/11/90	Nữ	3.15	64	Khá	796/2015
28	12424046	BÙI THỊ	MƠ	11/04/91	Nữ	3.06	64	Khá	797/2015
29	12424047	VŨ THỊ	MAI	27/09/88	Nữ	2.97	64	Khá	798/2015
30	12424049	LÊ THỊ NGỌC	MINH	28/12/91	Nữ	3.61	61	Xuất sắc	799/2015
31	12424051	LƯU NGUYỄN THÙY	NGÂN	26/03/91	Nữ	3.01	64	Khá	800/2015
32	12424052	NGUYỄN THỊ THU	NGÂN	05/11/88	Nữ	2.79	64	Khá	801/2015
33	12424054	NGUYỄN THỊ	NGA	03/05/89	Nữ	2.89	64	Khá	802/2015
34	12424055	MAI THỊ	NGA	18/08/89	Nữ	3.21	64	Giỏi	803/2015
35	12424057	VÕ THỊ KIM	NGỌC	29/08/90	Nữ	2.70	64	Khá	804/2015
36	12424058	HỒ THỊ ÁNH	NGỌC	21/10/91	Nữ	3.46	64	Giỏi	805/2015
37	12424060	NGUYỄN HẠNH	NGUYÊN	06/07/90	Nữ	2.80	64	Khá	806/2015
38	12424062	TRẦN THỊ TUYẾT	NHƯ	03/01/89	Nữ	3.09	64	Khá	807/2015
39	12424063	LÊ THỊ MAI	PHƯƠNG	25/09/88	Nữ	3.16	64	Khá	808/2015
40	12424064	ĐÀO DUY	PHÚC	29/01/90	Nam	3.02	64	Khá	809/2015
41	12424065	NGUYỄN NGỌC	PHÚC	23/10/91	Nữ	3.25	64	Giỏi	810/2015
42	12424066	NGUYỄN VĂN	QUANG	10/04/88	Nam	2.75	64	Khá	811/2015
43	12424068	ĐÀO THỊ	QUỲNH	21/10/91	Nữ	3.09	64	Khá	812/2015
44	12424069	NGUYỄN THỊ TÚ	QUYÊN	05/07/89	Nữ	3.00	64	Khá	813/2015
45	12424071	NGUYỄN QUANG	SỸ	10/08/88	Nam	2.98	64	Khá	814/2015
46	12424073	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	30/04/90	Nữ	2.98	64	Khá	815/2015
47	12424074	VÕ THỊ	THẢO	10/06/90	Nữ	2.99	64	Khá	816/2015
48	12424075	NGUYỄN THỊ	THẢO	14/01/90	Nữ	3.04	64	Khá	817/2015
49	12424077	TRẦN VĂN THIỆN	THANH	05/03/91	Nam	2.78	64	Khá	818/2015
50	12424081	NGUYỄN NĂNG	THUẬN	04/01/90	Nam	2.81	64	Khá	819/2015
51	12424082	TRƯƠNG TRỌNG	TÙNG	10/02/90	Nam	2.78	64	Khá	820/2015
52	12424083	TRẦN THỊ MỸ	TIÊN	/ /90	Nữ	2.83	64	Khá	821/2015
53	12424084	NGUYỄN VĂN	TIẾN	17/05/88	Nam	2.81	64	Khá	822/2015
54	12424085	ĐOÀN THỊ BÍCH	TRÂM	21/02/91	Nữ	2.93	64	Khá	823/2015
55	12424087	HOÀNG THỊ HỒNG	TRINH	20/10/88	Nam	2.99	64	Khá	824/2015
56	12424088	NGUYỄN TRUNG	TRỰC	11/12/90	Nam	2.83	64	Khá	825/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: ĐH Liên thông

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
57	12424092	LÊ THỊ THANH	TUYỀN	28/04/89	Nữ	2.86	64	Khá	826/2015
58	12424093	TRẦN THỊ BÍCH	TUYỀN	02/03/88	Nữ	2.77	64	Khá	827/2015
59	12424094	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VY	16/06/91	Nữ	2.91	64	Khá	828/2015
Lớp: DH10SH									
1	10126045	LÂM MỸ	HIẾU	11/08/92	Nữ	2.81	140	Khá	829/2015
2	10126068	NGUYỄN XUÂN	LẮM	22/05/92	Nam	3.17	140	Khá	830/2015
3	10126097	NGUYỄN XUÂN	NGỌC	23/07/92	Nam	2.86	140	Khá	831/2015
4	10126108	PHAN THỊ HỒNG	NHIỆM	01/06/92	Nữ	3.26	140	Giỏi	832/2015
5	10126138	LƯƠNG THỊ XUÂN	QUỲNH	28/11/92	Nữ	3.36	140	Giỏi	833/2015
Lớp: DH10SM									
1	10172018	NGUYỄN NGỌC	HẠNH	18/11/91	Nữ	2.73	140	Khá	834/2015
2	10172042	TRƯƠNG VŨ BĂNG	SA	30/06/92	Nữ	3.00	140	Khá	835/2015
3	10172059	PHẠM THỊ	TÌNH	27/02/92	Nữ	3.24	140	Giỏi	836/2015
4	10172064	NGUYỄN HỒ HUYỀN	TRÂN	11/02/92	Nữ	2.84	140	Khá	837/2015
5	10172066	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGÂN	02/12/92	Nữ	2.79	140	Khá	838/2015
Lớp: DH11SH									
1	11126010	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	22/04/93	Nữ	3.14	140	Khá	839/2015
2	11126016	ĐOÀN THỊ MỸ	LINH	10/02/93	Nữ	2.95	140	Khá	840/2015
3	11126041	NGUYỄN THỊ THU	DUNG	15/09/93	Nữ	3.43	140	Giỏi	841/2015
4	11126043	LÊ QUANG	TRÍ	18/08/93	Nam	3.34	140	Giỏi	842/2015
5	11126073	LÊ THỊ	BÍCH	12/06/93	Nữ	3.29	140	Giỏi	843/2015
6	11126157	NGUYỄN PHI	LONG	25/03/93	Nam	3.34	140	Giỏi	844/2015
7	11126195	NGUYỄN NGỌC	QUÝ	23/03/93	Nam	3.49	140	Giỏi	845/2015
8	11126201	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	19/09/93	Nữ	3.38	140	Giỏi	846/2015
9	11126221	PHẠM VĂN	THỌ	02/02/93	Nam	3.26	140	Giỏi	847/2015
10	11126238	NGUYỄN THỊ MAI	TRANG	16/09/93	Nữ	3.30	140	Giỏi	848/2015
11	11126254	PHẠM THỊ NHÃ	TRÚC	27/01/93	Nữ	3.36	140	Giỏi	849/2015
12	11126264	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VI	/ /93	Nữ	3.46	140	Giỏi	850/2015
13	11126282	HOÀNG THÁI	THANH	19/02/93	Nữ	3.42	140	Giỏi	851/2015
14	11126292	HUỲNH TẤN	DŨNG	25/04/93	Nam	3.29	140	Giỏi	852/2015
15	11126321	LÊ NHẬT	TÂN	23/04/93	Nam	3.13	140	Khá	853/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH11SM									
1	11172002	NGUYỄN THỊ LỆ	CHI	17/07/93	Nữ	3.33	140	Giỏi	854/2015
2	11172018	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	02/04/93	Nữ	3.24	140	Giỏi	855/2015
3	11172021	PHẠM THỊ	LOAN	20/05/93	Nữ	3.36	140	Giỏi	856/2015
4	11172037	ĐỖ THỊ	BÌNH	01/06/93	Nữ	3.34	140	Giỏi	857/2015
5	11172039	CAO THỊ	CHÂM	27/04/93	Nữ	3.14	140	Khá	858/2015
6	11172045	BÙI CÔNG	DANH	03/05/93	Nam	3.39	140	Giỏi	859/2015
7	11172074	PHẠM NGUYỄN TRUNG	HIẾU	08/04/93	Nam	2.82	140	Khá	860/2015
8	11172105	NGUYỄN HUỲNH YẾN	LINH	10/08/93	Nữ	3.18	140	Khá	861/2015
9	11172107	HOÀNG THỊ	LOAN	08/01/93	Nữ	3.04	140	Khá	862/2015
10	11172181	NGUYỄN THỊ MỸ	TRANG	14/02/93	Nữ	3.30	140	Giỏi	863/2015
11	11172196	TRẦN THỊ THANH	TUYỀN	10/10/93	Nữ	2.94	140	Khá	864/2015
12	11172215	NGUYỄN NGỌC	LINH	17/10/93	Nữ	3.14	140	Khá	865/2015
Lớp: LT12SH									
1	12426001	NGUYỄN VĂN	DANH	12/02/91	Nam	3.23	72	Giỏi	866/2015
2	12426002	PHẠM THỊ	DINH	17/08/91	Nữ	3.31	72	Giỏi	867/2015
3	12426003	ĐÀM THỊ TRÚC	DIỆU	20/04/88	Nữ	3.42	72	Giỏi	868/2015
4	12426005	LÊ THÀNH	HƯNG	27/11/90	Nam	3.36	72	Giỏi	869/2015
5	12426007	LÊ TRUNG	KIÊN	10/08/90	Nam	3.43	72	Giỏi	870/2015
6	12426011	TRẦN MINH	PHÁP	10/05/90	Nam	3.03	72	Khá	871/2015
7	12426012	NGUYỄN THÀNH	PHÁT	16/02/91	Nam	3.40	72	Giỏi	872/2015
8	12426013	NGUYỄN THỊ NGỌC	PHƯƠNG	10/08/91	Nữ	2.92	72	Khá	873/2015
9	12426014	NGUYỄN VĨNH	PHƯỚC	26/08/89	Nam	3.04	72	Khá	874/2015
10	12426015	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	09/09/91	Nữ	3.44	72	Giỏi	875/2015
11	12426016	NGUYỄN THỊ	TÂM	20/07/89	Nữ	3.25	72	Giỏi	876/2015
12	12426017	ĐỖ ĐỨC	THĂNG	01/01/91	Nam	3.26	72	Giỏi	877/2015
13	12426018	NGUYỄN VÕ THU	THẢO	20/10/91	Nữ	3.43	72	Giỏi	878/2015
14	12426019	ĐỖ THANH	THỊNH	28/03/90	Nam	3.62	72	Xuất sắc	879/2015
15	12426021	NGUYỄN LÊ MINH	TRÚC	22/04/90	Nữ	3.19	72	Khá	880/2015
16	12426022	ĐINH PHÚ	TRUNG	14/04/91	Nam	3.18	72	Khá	881/2015
17	12426023	HUỲNH THỊ HỒNG	TRÍ	03/09/90	Nữ	3.25	72	Giỏi	882/2015
Lớp: DH08SK17									
1	08158158	ĐỖ CÔNG SỸ	THOẢNG	16/08/90	Nam	2.61	141	Khá	883/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH08DT17									
1	07130029	TÔ XUÂN	HẢI	19/05/89	Nam	2.44	145	Trung bình	884/2015
2	08130027	BÙI VĂN	HIỂN	09/06/90	Nam	2.82	141	Khá	885/2015
Lớp: DH09DT17									
1	09130016	DƯƠNG TUẤN	DŨNG	08/12/91	Nam	2.54	141	Khá	886/2015
2	09130045	PHAN NGUYỄN	LỢI	12/10/91	Nam	2.75	140	Khá	887/2015
3	09130087	NGUYỄN VĂN	TOÀN	04/09/91	Nam	2.30	142	Trung bình	888/2015
4	09130112	NGUYỄN ĐĂNG	HẬU	05/12/90	Nam	2.37	144	Trung bình	889/2015
Lớp: DH10DT									
1	10130003	LÊ TUẤN	BẢO	06/04/92	Nam	2.79	141	Khá	890/2015
2	10130025	THÁI MINH	HIẾU	16/07/92	Nam	2.63	142	Khá	891/2015
3	10130033	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	KHANG	19/01/92	Nam	2.70	141	Khá	892/2015
4	10130034	NGUYỄN SƠN	KHÁNH	25/07/92	Nam	2.52	140	Khá	893/2015
5	10130041	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	17/12/92	Nam	2.73	141	Khá	894/2015
6	10130043	NGUYỄN ĐỨC	LƯƠNG	09/10/92	Nam	2.68	141	Khá	895/2015
7	10130054	ĐOÀN Ý	NHI	29/03/92	Nữ	2.65	141	Khá	896/2015
8	10130055	NGUYỄN THỊ ÁI	NHI	07/04/92	Nữ	3.09	140	Khá	897/2015
9	10130064	LÊ HOÀNG	PHƯƠNG	30/05/92	Nam	2.61	141	Khá	898/2015
10	10130066	LÊ MINH	QUÂN	01/07/92	Nam	2.78	141	Khá	899/2015
11	10130102	VÕ SANG	XUÂN	12/08/92	Nam	2.39	144	Trung bình	900/2015
12	10130106	LIÊNG HÓT	KHER	11/01/91	Nam	2.31	141	Trung bình	901/2015
13	10130107	VÕ MINH	QUẬN	26/12/92	Nam	2.46	141	Trung bình	902/2015
Lớp: DH11DT									
1	11130081	NGUYỄN MẠNH	TOÀN	07/11/93	Nam	3.20	140	Giỏi	903/2015
Lớp: DH08BQ17									
1	08125035	LÊ VĂN	ĐIỆP	28/10/90	Nam	2.49	141	Trung bình	904/2015
Lớp: DH08BQGL									
1	08125339	TRẦN LÊ	NGUYÊN	15/03/87	Nam	5.82	207	Trung bình	2/2015
Lớp: DH09TP17									
1	09112160	PHƯƠNG CẠNH	THOẠI	24/06/91	Nam	3.08	143	Khá	905/2015
2	09125251	TRẦN THỤY VÂN	ANH	19/03/91	Nữ	3.00	143	Khá	906/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH10BQ									
1	10125011	NGUYỄN LƯU	BẢO	16/09/91	Nam	2.59	140	Khá	907/2015
2	10125021	TRẦN ĐÌNH	CHINH	19/05/92	Nam	2.82	141	Khá	908/2015
3	10125033	VÕ THỊ BÍCH	DUNG	27/07/92	Nữ	3.05	142	Khá	909/2015
4	10125114	LÊ ĐỨC	NHÃ	30/12/92	Nam	2.32	143	Trung bình	910/2015
5	10125127	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	12/11/92	Nữ	3.25	143	Giỏi	911/2015
6	10125170	NGUYỄN THỊ ĐÀI	TRANG	12/01/92	Nữ	2.34	142	Trung bình	912/2015
Lớp: DH10DD									
1	10148103	NGUYỄN THỊ NGỌC	HƯƠNG	11/09/92	Nữ	2.53	137	Khá	913/2015
2	10148133	NGUYỄN KIM	LOAN	12/08/92	Nữ	3.27	138	Giỏi	914/2015
3	10148153	LÊ HỒNG	NAM	26/05/92	Nam	2.45	137	Trung bình	915/2015
Lớp: DH10TP									
1	10112055	NGUYỄN DUY	HOÀNG	07/04/92	Nam	3.28	147	Giỏi	916/2015
2	10116155	PHẠM THANH	TÙNG	05/02/92	Nam	3.12	147	Khá	917/2015
3	10119012	NGUYỄN THẢO	QUỲNH	11/01/92	Nữ	3.52	147	Giỏi	918/2015
4	10119016	VÕ YẾN	PHỤNG	28/08/92	Nữ	3.43	147	Giỏi	919/2015
5	10125211	LÊ THỊ PHƯỢNG	LINH	17/11/92	Nữ	3.63	147	Xuất sắc	920/2015
6	10125235	PHẠM THỊ NGUYÊN	ĐANG	22/08/92	Nữ	2.86	147	Khá	921/2015
7	10125236	NGUYỄN HẰNG	NI	/ /92	Nữ	3.31	147	Giỏi	922/2015
8	10125242	BÙI NGUYỄN TRỌNG	THIỆN	02/01/88	Nam	3.34	147	Giỏi	923/2015
9	10139245	NGÔ THỊ MINH	TRANG	25/01/92	Nữ	3.42	147	Giỏi	924/2015
10	10142144	LÊ THỊ PHƯƠNG	THÀNH	29/11/92	Nữ	3.63	147	Xuất sắc	925/2015
11	10148032	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DUNG	22/02/92	Nữ	3.56	147	Giỏi	926/2015
12	10148156	VÕ NGỌC	NGÀ	12/02/92	Nữ	3.53	147	Giỏi	927/2015
13	10148265	HUỲNH NGUYỄN THẢO	TRANG	07/09/92	Nữ	2.94	147	Khá	928/2015
14	10148267	NGUYỄN LÊ MINH	TRANG	25/11/92	Nữ	3.83	147	Xuất sắc	929/2015
15	10169032	TRẦN ĐẠI HÒA	MINH	01/02/92	Nam	3.35	147	Giỏi	930/2015
Lớp: DH10VT									
1	10156021	LÊ VĂN	HIỀN	01/03/92	Nam	2.56	141	Khá	931/2015
Lớp: DH11BQ									
1	11125009	NGUYỄN THỊ THÙY	NGÂN	14/07/93	Nữ	3.25	142	Giỏi	932/2015
2	11125012	NGUYỄN THỊ NGỌC	NHI	06/05/93	Nữ	2.85	141	Khá	933/2015
3	11125016	TRẦN THỊ THẢO	QUYÊN	18/11/93	Nữ	2.67	142	Khá	934/2015
4	11125031	HOÀNG THỊ KIM	CHI	02/02/93	Nữ	2.95	140	Khá	935/2015
5	11125035	CAO THỊ THÙY	DUNG	07/06/93	Nữ	3.11	141	Khá	936/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
6	11125037	TRẦN NGỌC	DUNG	06/09/93	Nữ	3.28	140	Giỏi	937/2015
7	11125039	NGUYỄN THỊ HỒNG	DUYÊN	12/02/93	Nữ	3.30	141	Giỏi	938/2015
8	11125042	TRẦN VĂN	DŨNG	09/03/93	Nam	3.00	142	Khá	939/2015
9	11125043	LÊ THỊ	ĐÀO	25/09/93	Nữ	2.89	140	Khá	940/2015
10	11125050	NGUYỄN THỊ	HẠNH	18/04/92	Nữ	2.99	140	Khá	941/2015
11	11125059	PHAN THỊ THU	HƯỜNG	24/10/93	Nữ	3.03	140	Khá	942/2015
12	11125061	LA QUỐC	KHÁNH	17/10/93	Nam	3.09	140	Khá	943/2015
13	11125062	LÊ QUỐC	KHÁNH	17/03/93	Nam	3.09	140	Khá	944/2015
14	11125065	NGUYỄN THỊ HỒNG	LAM	06/04/93	Nữ	2.99	142	Khá	945/2015
15	11125082	TRẦN THỊ NGỌC	NUÔI	25/05/93	Nữ	2.62	140	Khá	946/2015
16	11125087	NGUYỄN SỸ	QUANG	26/01/93	Nam	3.08	140	Khá	947/2015
17	11125100	HOÀNG THỊ	THỜI	12/07/93	Nữ	2.93	142	Khá	948/2015
18	11125104	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	12/09/93	Nữ	2.82	140	Khá	949/2015
19	11125117	NGUYỄN VĂN	TRE	01/05/93	Nam	3.03	140	Khá	950/2015
20	11125120	KIM THÀNH	TRUNG	14/11/93	Nam	2.98	142	Khá	951/2015
21	11125133	NGUYỄN THỊ THU	YẾN	20/01/93	Nữ	3.09	140	Khá	952/2015
22	11125138	VŨ THỊ THU	HƯƠNG	28/11/93	Nữ	3.12	141	Khá	953/2015
23	11125147	NGUYỄN THỊ SINH	DUYÊN	13/08/93	Nữ	2.84	140	Khá	954/2015
24	11125151	VŨ THỊ THANH	HƯƠNG	10/06/93	Nữ	2.93	140	Khá	955/2015
25	11125159	NGUYỄN VĨ THẢO	NGUYÊN	24/06/93	Nữ	2.98	140	Khá	956/2015
26	11125161	NGUYỄN THỊ LỆ	QUYÊN	19/03/93	Nữ	2.81	140	Khá	957/2015
27	11125166	THÁI THỊ	THUYỀN	01/12/92	Nữ	2.84	140	Khá	958/2015
28	11125169	TRẦN THỊ	TRANG	22/02/93	Nữ	2.99	141	Khá	959/2015
Lớp: DH11DD									
1	11148002	TRẦN THỊ NHƯ	BÌNH	28/12/93	Nữ	3.00	139	Khá	960/2015
2	11148011	NGUYỄN THỊ MAI	HƯƠNG	12/06/93	Nữ	2.95	139	Khá	961/2015
3	11148019	ĐOÀN MINH	PHỤNG	31/01/93	Nam	2.95	137	Khá	962/2015
4	11148020	HÌNH ỨC	PHƯƠNG	20/05/93	Nữ	3.16	137	Khá	963/2015
5	11148027	NGUYỄN THỊ KIỀU	TIÊN	20/12/91	Nữ	2.89	137	Khá	964/2015
6	11148028	HỒ THỊ	TRANG	14/11/93	Nữ	2.80	139	Khá	965/2015
7	11148046	LÊ THỊ THÙY	TRANG	17/08/93	Nữ	2.86	139	Khá	966/2015
8	11148048	PHAN THỊ	YẾN	13/08/93	Nữ	2.77	137	Khá	967/2015
9	11148056	VY NGỌC	ÂN	16/04/93	Nữ	2.69	137	Khá	968/2015
10	11148060	ĐOÀN THỊ THU	BÍCH	03/08/92	Nữ	2.96	137	Khá	969/2015
11	11148063	LÊ THỊ HỒNG	CẨM	21/01/93	Nữ	2.93	138	Khá	970/2015
12	11148064	LÊ THỤY SONG	CHÂU	25/05/93	Nữ	2.93	139	Khá	971/2015
13	11148068	NGUYỄN THỊ BÍCH	CHI	/ /93	Nữ	3.13	137	Khá	972/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
14	11148069	PHẠM THỊ KIM	CHI	15/08/93	Nữ	3.13	139	Khá	973/2015
15	11148082	NGUYỄN THỊ	DUNG	08/03/93	Nữ	2.77	137	Khá	974/2015
16	11148089	NGUYỄN NGỌC	ĐIỆP	24/09/93	Nữ	2.99	139	Khá	975/2015
17	11148091	TRẦN NGUYỄN MINH	ĐOÀN	10/08/93	Nam	2.72	138	Khá	976/2015
18	11148092	NGUYỄN TRÍ	ĐỨC	27/12/92	Nam	3.22	138	Giỏi	977/2015
19	11148094	PHAN VŨ TRÚC	GIANG	26/04/93	Nữ	3.29	137	Giỏi	978/2015
20	11148098	NGUYỄN THỊ	HÀ	01/07/92	Nữ	3.04	138	Khá	979/2015
21	11148103	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	13/04/93	Nữ	2.77	137	Khá	980/2015
22	11148105	NGUYỄN PHẠM NGUYÊN	HẰNG	22/04/93	Nữ	2.91	138	Khá	981/2015
23	11148110	LÊ THỊ THU	HIỀN	06/10/93	Nữ	2.67	137	Khá	982/2015
24	11148111	NGUYỄN THỊ	HIỀN	11/09/93	Nữ	2.83	137	Khá	983/2015
25	11148121	VÕ THỊ	HUYỀN	31/08/93	Nữ	3.02	138	Khá	984/2015
26	11148124	PHẠM NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	01/02/93	Nữ	2.91	138	Khá	985/2015
27	11148135	CAO THỊ THÙY	LINH	19/01/93	Nữ	2.98	138	Khá	986/2015
28	11148142	TRƯƠNG HUỲNH KIỀU	LOAN	29/10/93	Nữ	3.09	137	Khá	987/2015
29	11148157	ĐẶNG CHÂU THÁI	NGÂN	14/01/93	Nữ	3.05	137	Khá	988/2015
30	11148161	NAY MINH	NGỌC	18/10/93	Nữ	2.88	138	Khá	989/2015
31	11148173	PHẠM HUỲNH NGỌC	NHI	31/07/93	Nữ	2.95	137	Khá	990/2015
32	11148177	HOÀNG THỊ	NI	03/03/93	Nữ	2.74	139	Khá	991/2015
33	11148178	LÊ THỊ HÀ	NI	23/07/93	Nữ	3.07	138	Khá	992/2015
34	11148179	NGUYỄN THỊ	NƠ	15/06/93	Nữ	3.02	137	Khá	993/2015
35	11148180	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	24/09/93	Nữ	2.66	139	Khá	994/2015
36	11148189	LÊ THU	PHƯƠNG	09/10/91	Nữ	3.50	138	Giỏi	995/2015
37	11148199	LÊ THỊ	QUỲNH	08/10/93	Nữ	2.90	137	Khá	996/2015
38	11148207	CHU THỊ THANH	THẢO	22/06/92	Nữ	2.71	137	Khá	997/2015
39	11148218	HUỲNH THỊ NGỌC	THƠ	28/02/93	Nữ	3.08	139	Khá	998/2015
40	11148219	LÊ THỊ	THU	21/04/93	Nữ	3.06	137	Khá	999/2015
41	11148221	NGUYỄN ĐÌNH	THUẬN	20/10/93	Nam	3.20	139	Giỏi	1000/2015
42	11148222	NGUYỄN THỊ NGỌC	THỦY	16/05/93	Nữ	2.98	138	Khá	1001/2015
43	11148224	BÙI THỊ	THÚY	10/10/93	Nữ	3.20	138	Giỏi	1002/2015
44	11148228	CHÂU NGỌC ANH	THƯ	10/10/93	Nữ	2.85	137	Khá	1003/2015
45	11148229	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	11/07/93	Nữ	3.03	137	Khá	1004/2015
46	11148234	TRẦN THỊ VƯƠNG THỦ	TIÊN	17/03/93	Nữ	2.87	137	Khá	1005/2015
47	11148239	NGUYỄN THỊ	TRANG	24/01/93	Nữ	3.00	138	Khá	1006/2015
48	11148242	PHAN HỒ THỊ BÍCH	TRÂM	21/08/93	Nữ	2.95	137	Khá	1007/2015
49	11148246	TRƯƠNG THÙY BẢO	TRINH	26/09/93	Nữ	2.63	138	Khá	1008/2015
50	11148255	ĐỖ THANH	TUYỀN	08/01/93	Nữ	2.74	138	Khá	1009/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
51	11148256	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	01/04/93	Nữ	2.98	137	Khá	1010/2015
52	11148268	NGUYỄN THỊ BẢO	UYÊN	12/10/93	Nữ	2.94	137	Khá	1011/2015
53	11148279	NGUYỄN MỸ	XUÂN	24/05/93	Nữ	2.94	137	Khá	1012/2015
54	11148284	LÂM THỊ NGỌC	CHÂU	01/11/93	Nữ	2.80	138	Khá	1013/2015
55	11148287	TRẦN THỊ THU	THỦY	26/10/93	Nữ	2.92	137	Khá	1014/2015
56	11148289	VÕ THỊ BÍCH	YẾN	18/08/93	Nữ	3.39	138	Giỏi	1015/2015
57	11148302	NGÔ THỊ MỘNG	HẰNG	16/03/92	Nữ	2.93	139	Khá	1016/2015
58	11148310	BÙI THỊ	LIỄU	17/02/93	Nữ	3.34	137	Giỏi	1017/2015
59	11148318	NGUYỄN THỊ	MỸ	20/08/93	Nữ	2.70	137	Khá	1018/2015
60	11148323	NGÔ THỊ MỸ	NHI	24/04/93	Nữ	2.88	138	Khá	1019/2015
61	11148326	TRẦN THỊ	OANH	12/08/93	Nữ	2.48	138	Trung bình	1020/2015
62	11148329	NGUYỄN THỊ	QUÝ	26/02/93	Nữ	2.87	137	Khá	1021/2015
63	11148333	TRƯƠNG THỊ THU	THẢO	26/07/93	Nữ	2.93	137	Khá	1022/2015
64	11148340	LÊ THỊ MỸ	THƯƠNG	14/06/93	Nữ	2.80	137	Khá	1023/2015
Lớp: DH11VT									
1	11156012	NGUYỄN THỊ HUỲNH	MAI	19/09/93	Nữ	3.10	140	Khá	1024/2015
2	11156013	KIỀU	TRANG	27/08/93	Nữ	3.00	142	Khá	1025/2015
3	11156014	ĐỖ THỊ MỸ	TÚ	12/04/93	Nữ	2.84	140	Khá	1026/2015
4	11156020	MAI PHƯƠNG	ANH	18/05/93	Nữ	2.77	142	Khá	1027/2015
5	11156022	NGÔ THỊ THÙY	ÂN	15/05/93	Nữ	3.17	141	Khá	1028/2015
6	11156024	LÊ THỊ NGỌC	CHÂU	01/04/93	Nữ	3.07	140	Khá	1029/2015
7	11156026	CAO THỊ THÙY	DUNG	26/10/93	Nữ	3.24	140	Giỏi	1030/2015
8	11156034	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIỆP	13/06/93	Nữ	2.76	141	Khá	1031/2015
9	11156039	NGUYỄN THỊ ÁI	LIÊN	07/06/92	Nữ	2.84	140	Khá	1032/2015
10	11156047	NGUYỄN THỊ	NGỌC	06/06/93	Nữ	2.61	142	Khá	1033/2015
11	11156051	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	03/01/93	Nữ	2.84	140	Khá	1034/2015
12	11156057	NGUYỄN THỊ	SÂM	01/10/93	Nữ	3.15	140	Khá	1035/2015
13	11156066	NINH PHƯƠNG	THÚY	06/02/93	Nữ	3.07	140	Khá	1036/2015
14	11156067	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THƯ	18/11/93	Nữ	3.20	141	Giỏi	1037/2015
15	11156068	TRẦN THỊ ANH	THƯ	24/10/93	Nữ	3.20	142	Giỏi	1038/2015
16	11156070	TRẦN DIỄM HOÀI	THƯƠNG	27/05/93	Nữ	3.37	140	Giỏi	1039/2015
17	11156086	NGUYỄN THỊ HỒNG	VÂN	25/08/93	Nữ	2.73	141	Khá	1040/2015
18	11156096	NGUYỄN THỊ QUẢN	AN	28/08/93	Nữ	2.86	140	Khá	1041/2015
19	11156098	NGUYỄN THỊ MỸ	DIỄM	28/08/93	Nữ	3.09	141	Khá	1042/2015
20	11156099	ĐẶNG THỊ	HẠ	17/02/93	Nữ	3.00	142	Khá	1043/2015
21	11156103	VÕ THỊ LINH	KHA	30/01/93	Nữ	2.73	140	Khá	1044/2015
22	11156104	NGUYỄN THỊ MỸ	LỆ	10/04/93	Nữ	2.73	140	Khá	1045/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
23	11156114	ĐỖ THỊ	THẢNH	11/08/93	Nữ	2.68	140	Khá	1046/2015
24	11156115	LÊ THỊ	THẢO	24/11/93	Nữ	2.73	140	Khá	1047/2015
Lớp: LT10BQ17									
1	10425024	VÕ NGỌC	KHÔI	10/12/87	Nam	2.69	60	Khá	1048/2015
2	10425040	LÊ HỮU	QUANG	06/10/87	Nam	2.88	60	Khá	1049/2015
3	10425057	NGUYỄN CHÍ	TRUNG	05/12/88	Nam	2.87	60	Khá	1050/2015
Lớp: LT12BQ									
1	12425002	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	23/06/86	Nữ	2.77	60	Khá	1051/2015
2	12425017	BÙI THỊ	TIỀN	18/04/87	Nữ	2.97	63	Khá	1052/2015
Lớp: DH09CT17									
1	09117190	NGUYỄN THÀNH	TOÁN	28/09/91	Nam	2.95	141	Khá	1053/2015
Lớp: DH09NT17									
1	09116049	PHẠM ĐỨC	HIẾU	30/03/91	Nam	3.11	140	Khá	1054/2015
2	09116129	BÙI DƯƠNG ĐỨC	SANG	26/08/91	Nam	2.80	141	Khá	1055/2015
Lớp: DH10CT									
1	10117042	MAI NGỌC	ĐỨC	09/01/92	Nam	2.42	142	Trung bình	1056/2015
2	10117052	HUỲNH VĂN	HẬN	29/10/92	Nam	2.63	142	Khá	1057/2015
Lớp: DH10KS									
1	10171023	DƯƠNG THIÊN	LONG	27/08/92	Nam	3.06	142	Khá	1058/2015
2	10171077	ĐẶNG HỒNG	NHỰT	19/08/89	Nam	2.49	141	Trung bình	1059/2015
3	10171103	PHẠM THỊ LỆ	HÀ	01/06/91	Nữ	2.75	141	Khá	1060/2015
4	10171105	NGUYỄN TRẦN VĨNH	HƯNG	18/01/92	Nam	2.54	140	Khá	1061/2015
5	10171123	NGUYỄN ĐỨC	DU	02/11/92	Nam	2.66	140	Khá	1062/2015
6	10171130	NGUYỄN BẢO	NGUYÊN	21/10/92	Nữ	2.52	140	Khá	1063/2015
Lớp: DH10NT									
1	10116071	NGÔ NHẬT	LONG	21/01/92	Nam	2.40	142	Trung bình	1064/2015
2	10116106	NGUYỄN THANH	SƯƠNG	06/03/92	Nam	2.48	141	Trung bình	1065/2015
3	10116167	BÁ THỊ	HUỆ	10/09/91	Nữ	2.55	142	Khá	1066/2015
Lớp: DH10NY									
1	10141006	ĐOÀN MINH	KIỆT	07/11/92	Nam	2.88	142	Khá	1067/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH11CT									
1	11117126	NGUYỄN THANH	HẢO	01/01/93	Nam	2.69	142	Khá	1068/2015
Lớp: DH11KS									
1	11171004	NGÔ THỊ THANH	THẾ	31/05/93	Nữ	3.15	141	Khá	1069/2015
2	11171005	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	13/04/93	Nữ	3.25	140	Giỏi	1070/2015
3	11171011	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	04/01/93	Nam	3.16	140	Khá	1071/2015
4	11171013	HỒ NGỌC	DÌN	04/02/93	Nữ	3.15	141	Khá	1072/2015
5	11171018	VÕ THỊ XUÂN	DUYÊN	20/08/93	Nữ	2.90	140	Khá	1073/2015
6	11171019	ĐẶNG TIẾN	DŨNG	15/10/93	Nam	3.05	141	Khá	1074/2015
7	11171028	NGÔ THỊ THÚY	HẰNG	28/03/93	Nữ	2.88	140	Khá	1075/2015
8	11171036	NGUYỄN THỊ DIỄM	HƯƠNG	13/03/93	Nữ	2.98	140	Khá	1076/2015
9	11171054	CAO THỊ QUẾ	MY	06/09/93	Nữ	3.27	140	Khá	1077/2015
10	11171055	NGUYỄN CHÂU	NGÂN	09/02/93	Nữ	3.03	142	Khá	1078/2015
11	11171058	MAI HỒNG	NHUNG	16/02/93	Nữ	3.30	141	Giỏi	1079/2015
12	11171075	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	30/11/93	Nữ	3.09	141	Khá	1080/2015
13	11171082	LÊ THỊ	THÚY	23/03/93	Nữ	2.70	141	Khá	1081/2015
14	11171088	ĐOÀN KHANG	TRANG	25/04/93	Nam	2.82	140	Khá	1082/2015
15	11171098	ĐINH THỊ	VÂN	15/03/92	Nữ	3.00	140	Khá	1083/2015
16	11171104	TRƯƠNG NGỌC	DIỆU	23/03/93	Nữ	3.05	140	Khá	1084/2015
17	11171105	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	22/11/93	Nữ	3.06	140	Khá	1085/2015
18	11171106	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	01/07/93	Nữ	3.15	141	Khá	1086/2015
19	11171116	LÊ THỊ CẨM	TÚ	19/04/93	Nữ	3.29	141	Giỏi	1087/2015
20	11171147	LÊ MINH	TÚ	16/04/92	Nam	2.63	140	Khá	1088/2015
Lớp: DH11NT									
1	11116001	TRẦN BẢO	ÂN	29/04/93	Nam	2.99	140	Khá	1089/2015
2	11116007	LÂM PHONG	PHÚ	01/01/92	Nam	3.04	141	Khá	1090/2015
3	11116010	TRẦN PHƯƠNG	TRINH	01/09/93	Nữ	3.01	140	Khá	1091/2015
4	11116033	NGUYỄN VĂN	HẠNH	20/04/93	Nam	3.11	140	Khá	1092/2015
5	11116038	ĐẶNG NGỌC CẨM	HỒNG	02/12/93	Nữ	2.96	140	Khá	1093/2015
6	11116039	HỒ MINH	HUY	18/11/93	Nam	3.01	141	Khá	1094/2015
7	11116043	NGUYỄN TRƯỜNG	KHA	07/04/93	Nam	2.87	140	Khá	1095/2015
8	11116044	VÕ DUY	KHÁNH	12/02/93	Nam	2.94	141	Khá	1096/2015
9	11116050	LÊ THỊ	LINH	20/10/93	Nữ	3.08	140	Khá	1097/2015
10	11116052	NGUYỄN THỊ TRÚC	TY	08/12/93	Nữ	2.98	140	Khá	1098/2015
11	11116053	HUỲNH THỊ HOA	MAI	19/03/93	Nữ	3.49	141	Giỏi	1099/2015
12	11116060	TRẦN HOÀNG BÍCH	NGỌC	04/11/93	Nữ	2.78	140	Khá	1100/2015

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
13	11116068	TRẦN ĐÌNH	QUANG	26/06/93	Nam	3.32	140	Giỏi	1101/2015
14	11116078	CHÂU THỊ THU	THẢO	29/01/93	Nữ	2.96	140	Khá	1102/2015
15	11116100	PHẠM TRƯỜNG	GIANG	16/03/93	Nam	3.05	140	Khá	1103/2015
16	11116103	VĂN ANH	THOẠI	10/04/93	Nam	2.86	140	Khá	1104/2015
17	11116111	NGÔ THỊ HUỲNH	NHƠN	26/03/93	Nữ	3.16	140	Khá	1105/2015
18	11116114	BÙI VĂN	PHỐ	30/12/93	Nam	3.23	140	Giỏi	1106/2015
Lớp: DH11NY									
1	11141001	NGUYỄN THANH	TRÚC	13/09/92	Nữ	3.31	142	Giỏi	1107/2015
2	11141002	NGUYỄN HỒNG	YẾN	22/11/93	Nữ	2.98	143	Khá	1108/2015
3	11141041	DƯƠNG THỊ	NI	22/10/93	Nữ	3.21	142	Giỏi	1109/2015
4	11141048	ĐẶNG THỊ	THỦY	02/09/91	Nữ	2.75	142	Khá	1110/2015
5	11141055	NGUYỄN THỊ	ĐAN	28/08/92	Nữ	2.91	141	Khá	1111/2015
6	11141069	NGUYỄN QUANG	HỮU	10/05/93	Nam	2.96	142	Khá	1112/2015
7	11141075	TRẦN ĐĂNG	KHOA	07/08/93	Nam	3.33	141	Giỏi	1113/2015
8	11141095	HÀ THỊ HỒNG	SƯƠNG	06/08/93	Nữ	3.06	142	Khá	1114/2015
9	11141114	PHAN THỊ NHƯ	HUỲNH	12/01/93	Nữ	2.99	142	Khá	1115/2015
10	11141118	LÊ TRỌNG	NGHĨA	07/09/93	Nam	3.04	142	Khá	1116/2015
11	11141119	NGUYỄN TRẦN NHƯ	NGỌC	04/05/93	Nữ	3.15	141	Khá	1117/2015
Lớp: LT12NT									
1	12416008	DƯƠNG VĂN	HƯNG	23/11/86	Nam	3.11	55	Khá	1118/2015

HIỆU TRƯỞNG